

Số: 590/BC-CĐSPBN

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
CỦA NĂM HỌC 2021 – 2022 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUY CHẾ
CÔNG KHAI CỦA NĂM HỌC 2022 - 2023

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT - BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh báo cáo cơ quan chỉ đạo về kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021 - 2022 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022 - 2023, cụ thể như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021 - 2022

Trong năm học 2021 – 2022 Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Bắc Ninh đã thực hiện đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo đúng quy định tại Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Nhà trường thực hiện đầy đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh của trường; mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (*Biểu mẫu 17 kèm theo*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Trường đã thực hiện công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào

tạo hiện tại trường công khai đầy đủ hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (*Biểu mẫu 18 kèm theo*).

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của trường theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

đ) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, Trường CĐSP Bắc Ninh phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy học; đặc biệt phải đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong đó có biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, một yêu cầu không thể thiếu của nhà trường nói chung và của mỗi cán bộ giảng viên nói riêng. Biên soạn tài liệu vừa là động lực thúc đẩy quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên (CBGV), vừa góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tự học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường.

Trong năm học 2021 -2022 nhà trường đã nghiệm thu 6 tài liệu học tập (lưu hành nội bộ) phục vụ công tác giảng dạy: Tài liệu hỗ trợ học phần Tiếng Anh Mầm non 1- ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; Tài liệu hỗ trợ học phần Tiếng Anh Mầm non 2 - ThS.Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; Tài liệu: Trang trí trường, lớp mầm non - ThS.Vũ Thị Loan; Tài liệu ôn thi tốt nghiệp các môn Lí luận chính trị. - TS.Nguyễn Hữu Niên; Quản lí hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục - Đào tạo ThS. Hoàng Minh Loan (dùng cho SV CĐSP Mầm non – Trường CĐSP Bắc Ninh).

e) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

g) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ in phôi văn bằng, chứng chỉ, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

h) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

i) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn. Trong năm học 2021 -2022, công tác nghiên cứu khoa học của Trường CĐSP Bắc Ninh đạt được khá nhiều thành tựu: Tính đến tháng 6 năm 2022, Nhà trường có 50 công trình nghiên cứu khoa học được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng, trong đó : 06 tài liệu học tập và 27 đề tài khoa học cấp cơ sở, 17 sáng kiến kinh nghiệm; 07 báo cáo đăng kỷ yếu hội thảo khoa học các cấp; 08 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí TW, địa phương, 350 báo cáo khoa học trình bày trong các buổi seminar. Đề tài NCKH cấp Tỉnh: *“Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tư vấn tâm lí học đường cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn Bắc Ninh”* đã được Sở KH-CN thẩm định và phê duyệt; Xây dựng Quy định về Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV, đã triển khai và nghiệm thu được 07 đề tài NCKH của SV; Hoàn tất Lịch lịch khoa học của CBGV Trường.

Tất cả các sản phẩm khoa học của Nhà trường trong năm học 2021 -2022 đều được công khai thông qua các kênh sau:

- + Công khai thông qua việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trong các giờ học trên lớp, cũng như qua các hoạt động ngoại khóa.

- + Các sản phẩm sau khi nghiệm thu được đưa vào thư viện Trường (các SKKN cấp ngành được gửi lên Hội đồng khoa học Ngành) và công khai trên email của các đơn vị cũng như trên website Trường.

k) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường phối hợp với các trường Đại học để tuyển sinh các lớp đào tạo liên kết đặt tại trường: đã phối hợp với trường ĐHSP Thái Nguyên tuyển sinh 704 SV; Gửi hồ sơ các ngành đào tạo nâng chuẩn theo chỉ đạo của tỉnh Bắc Ninh liên kết với ĐHSP Hà Nội: 240 hồ sơ; Tính đến 12/9/2022, quy mô đào tạo đại học liên kết VLVH là 12 lớp/ 710 SV.

m) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường CĐSP Bắc Ninh đã thực hiện công tác bảo đảm chất lượng như sau:

*** Công tác đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:**

Trường CĐSP Bắc Ninh đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục năm 2020, cụ thể:

- Đánh giá ngoài theo Quyết định số 68/QĐ-KĐCLGD ngày 02/11/2019 của Giám đốc TT KĐCLGD – Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam.

- Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020

- Được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng (KĐCL) cơ sở giáo dục ngày 06/3/2020, giấy chứng nhận có giá trị đến 06/3/2025.

- Trường đã đạt chuẩn chất lượng KĐCL cơ sở giáo dục với 85,45% tiêu chí đạt.

- Bắt đầu từ 3/2020, Trường đã triển khai các hoạt động phát huy điểm mạnh và khắc phục các tồn tại sau đánh giá ngoài theo Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020. Trường đã xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại số 298/KH-CĐSP ngày 29/6/2020. Các đơn vị chức năng, các Nhóm công tác triển khai thực hiện Kế hoạch và có báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết việc thực hiện theo từng năm.

- Ngày 28 tháng 6 năm 2022, Nhà trường đã thành lập Hội đồng rà soát giữa chu kỳ KĐCLGD trường theo QĐ số 221/QĐ-CĐSP ngày 28 tháng 6 năm 2022 và ban hành Kế hoạch (Kế hoạch số 423/KH-CĐSP ngày 01 tháng 7 năm 2022).

*** Công tác đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo:**

Trường CĐSP Bắc Ninh đang chuẩn bị các điều kiện cho công tác tự đánh giá đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT):

- Ngày 29 tháng 10 năm 2021, Nhà trường đã ban hành QĐ số 386/QĐ-CĐSP về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình CĐSP ngành Giáo dục Mầm non.

- Ngày 8 tháng 11 năm 2021, Nhà trường đã ban hành kế hoạch Tự đánh giá chương trình Cao Đẳng Sư Phạm ngành Giáo dục mầm non số 716/KH-CĐSP.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Công khai thông tin về cơ sở vật chất

Từ khi thành lập trường đến nay, cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn phát triển, tính đến hết năm học 2021- 2022 số phòng học, phòng làm việc của trường hiện có và đang sử dụng gồm:

- Diện tích đất toàn trường là: 38 500 m²

- Phòng học: 32 phòng kiên cố đều được trang bị thiết bị dạy học hiện đại phục vụ đổi mới PPDH và ứng dụng CNTT trong dạy học (màn hình thông minh, ti vi tương tác thông minh, máy chiếu, máy điều hoà ,...)

- Cơ sở Mầm non Hoa Phượng: 06 phòng học

- Hội trường Đa chức năng có diện tích sử dụng 650 m² , được trang bị máy điều hoà.

- Nhà học môn chung: 02 nhà = 500 m² .

- Phòng tin học: 03 phòng với 150 máy vi tính được kết nối mạng.

- Phòng học ngoại ngữ đạt tiêu chuẩn: 02 phòng gồm 80 máy tính, 02 máy chiếu, kết nối mạng, có phần mềm dạy học tiếng Anh, có ti vi tương tác thông minh.

- Phòng học Nhạc: 02 phòng, 24 đàn oocgan, 02 đàn Pianô, 10 đàn ghi ta...
Phòng học múa 01 phòng

- Thư viện trường có trên 5 nghìn đầu sách gồm: sách nghiệp vụ 10.168 cuốn, sách tham khảo 16 620 cuốn, trang bị được 100% số môn học đã có đủ giáo trình tài liệu học tập.

- Kí túc xá sinh viên gồm 02 nhà 5 tầng, 100 phòng.

- Nhà 7 điều hành, học thực hành 7 tầng (dự kiến bàn giao trong học kỳ I năm học 2022 - 2023).

- Trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo: Các phòng học chung và phòng nghiệp vụ của các khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại và học liệu phục vụ dạy và học của HSSV (bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu đa năng, bảng tương tác thông minh, máy chiếu vật thể, tivi tương tác thông minh, bảng chống lóa, đèn, quạt...). Hệ thống kết nối mạng Internet, Wifi trong toàn trường. (Biểu mẫu 19 kèm theo).

b) Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỉ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Biểu mẫu 20 kèm theo).

1.3. Công khai thu chi tài chính

* Về công khai tình hình tài chính:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh công khai tài chính gồm:

- Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 (Biểu số 2– Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)
 - Công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2021 (Biểu số 4-Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).
 - Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.(Biểu số 3-Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).
 - Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.(Biểu số 7-Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).
- * Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (*Biểu mẫu 21 kèm theo*).

2. Hình thức và thời điểm công khai

2.1. Công khai trên trang thông tin điện tử của trường, gửi email cho các đơn vị vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Công khai trong hội nghị giao ban cốt cán đầu năm, hội nghị cán bộ công chức viên chức đầu năm học.

2.2. Niêm yết công khai tại các đơn vị đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2.3. Có các tài liệu in đầy đủ tại các khoa, bộ môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị, sẵn sàng phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian các khoa, bộ môn, trung tâm và đơn vị làm việc.

II. Kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022 – 2023

Trường CDSP Bắc Ninh đã triển khai kế hoạch theo công văn số: 570/ĐT-CDSPBN ngày 14/9/2022 về việc báo cáo Quy chế công khai năm học 2021 - 2022 và kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2022 - 2023.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website trường;
- Lưu VT, KHTV, ĐT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
TS. Nguyễn Hữu Tuyến

Biểu mẫu 17



SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
Năm học 2021 – 2022**

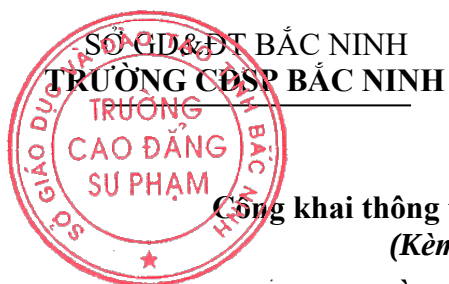
(Kèm theo công văn số: 590 ngày 22/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						Trung cấp sư phạm chính quy
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	
				Chính quy	LT chính quy	VB 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng kí tuyển sinh							Tiêu chí 1. Thí sinh tốt nghiệp THPT (hình thức giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp từ trung cấp, cao đẳng trở lên, có hộ khẩu đúng vùng tuyển theo quy định. Tiêu chí 2. Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên <i>hoặc</i> điểm trung bình xét TN THPT từ 6.5 trở lên; Điểm trung bình cộng các môn xét tuyển tối thiểu là 6,5. Hoặc: Thí sinh tốt nghiệp THPT; Không có môn thi nào trong tổ hợp đăng kí xét tuyển bị điểm liệt theo quy định của Bộ GD-ĐT năm 2021; Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD-ĐT.

II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được						Sinh viên sau khi học xong sẽ được trang bị những kiến cơ bản và nâng cao để có thể giảng dạy tại các cơ sở phổ thông trong và ngoài tỉnh; ngoài ra sinh viên còn được trang bị về lòng yêu nghề mến trẻ, thái độ làm việc nghiêm túc có trách nhiệm; sinh viên còn được trang bị kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm có thể đáp ứng được nhu cầu XH	
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học						- Nhà trường luôn đề cao chất lượng dạy và học, luôn khuyến khích SV học tập tốt bằng nhiều hình thức như: học bổng, khen thưởng tuyên dương. Ngoài việc khuyến khích học tập nhà trường luôn tạo ra những câu lạc bộ sinh hoạt tập thể như: Bóng đá, bóng chuyền, ghi ta, Tiếng Anh,... để cho SV tham gia rèn luyện sức khỏe, tinh thần tạo động lực cho học tập. - Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non K41 được hưởng chế độ theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, cụ thể sinh viên được miễn học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí.	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện						Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Tiếng Anh.	

V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường						Với lượng kiến thức được trang bị sau khi ra trường, SV hoàn toàn có thể học tiếp lên chương trình cao hơn bằng nhiều hình thức như: liên thông chính quy, VLVH...	
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp						Làm giáo viên tại các trường THCS trong và ngoài tỉnh hoặc làm phiên dịch tại các cơ sở doanh nghiệp (đối với SV học chương trình Sư phạm Tiếng Anh), làm giáo viên tiểu học (đối với SV học chương trình GDTH), làm giáo viên mầm non (đối với SV học chương trình GDMN), làm giáo viên THCS (đối với SV học chương trình SP Toán học, SP Ngữ văn).	

Biểu mẫu 18



THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh năm học 2021 – 2022
(Kèm theo công văn số: 590 ngày 22/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I					535	164		
2	Khối ngành II					x	x	x	
3	Khối ngành III					x	x	x	
4	Khối ngành IV					x	x	x	
5	Khối ngành V					x	x	x	
6	Khối ngành VI					x	x	x	
7	Khối ngành VII					x	x	x	

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					

1	Khối ngành I	216		23.6	76.4	85%
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100%.

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành:

I. Các học phần chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non K41, K40

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh Mầm non 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để thực hành kỹ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.	2	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm thường xuyên, định kì (Trọng số 40%): - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút) : 01 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2). * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Nói + Nghe + Đọc + Viết - Thời gian: Nói (5 phút/1 sinh viên) / Nghe + Đọc + Viết (60 phút) b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Dự lớp ít nhất 80% số giờ học tập trên lớp, có đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kì trong học phần - Đạt điểm trung bình kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10

2	Tiếng Anh Mầm non 2	Học phần gồm 3 bài (Unit 5, Unit 6 & Unit 8) của giáo trình English Explorer 3 và 1 bài (Unit 8) của giáo trình Life Lines – Pre-Intermediate với các nội dung nhằm ôn lại các kiến thức đã học ở phổ thông và tiếp nối mở rộng cách sử dụng của các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, tương lai đơn, và các cấu trúc khác như câu điều kiện loại 1, 2; đại từ quan hệ; đưa lời khuyên, đề nghị; cấu trúc <i>used to</i> ,... Đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề về bộ phận cơ thể người, gia đình, khoa học – công nghệ, đồ ăn – đồ uống, phương tiện giao thông, các mùa trong năm. Các tài liệu mở rộng phù hợp với trình độ cuối Elementary và đầu Pre-Intermediate cùng chủ đề, đặc biệt kỹ năng nghe nói.	2	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm thường xuyên, định kì (trọng số 40%): - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút) : 01 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2). * Thi kết thúc học phần : Trọng số 60%; - Hình thức thi: Nói + Nghe + Đọc + Viết - Thời gian : Nói (5 phút/ 1 sinh viên) / Nghe + Đọc + Viết (60 phút) b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Dự lớp ít nhất 80% số giờ học tập trên lớp, có đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kì trong học phần - Đạt điểm trung bình kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn. Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác thông tin từ Internet, thư điện tử....	2	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì: 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.	3	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...	2	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

					- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. - Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...	3	4	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
8	Pháp luật đại cương	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...	2	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9	Quản lý hành chính nhà nước – Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lý nhà nước.	2	6	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - <i>Hình thức thi:</i> Viết - Thời gian 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
10	Giáo dục thể chất	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; Những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; Ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT; Nắm được chương trình GDTC trong trường CĐSP Bắc Ninh và những yêu cầu của môn học đối với sinh viên; Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản với các nội dung: đi, chạy ngắn, chạy trung bình và kỹ thuật bật xa, nhảy xa, đội hình đội ngũ, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục vòng, kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao úp bụng, bài thể dục gậy, một số kỹ thuật môn bóng chuyền (hoặc môn Cầu lông), thực hiện được các quy định về kiểm tra đánh giá thể lực, đạt yêu cầu về kỹ thuật và thành tích khi kiểm tra và thi, đồng thời có kiến thức để tự rèn luyện cơ thể nâng cao sức khỏe, phát	2*	1	- Điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, điểm thi học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10); - Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm; trong đó điểm kiểm tra thường xuyên 04 điểm tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kì 02 điểm tính hệ số 2; - Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kì) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6; - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, thi kết thúc học phần: Thực hành

		triển thể chất, biết vận dụng một số nội dung trong giảng dạy trẻ mầm non và tham gia thi đấu phong trào TDTT.			
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lí tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

13	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	3	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	3	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

II. Kiến thức GD chuyên nghiệp ngành Giáo dục Mầm non

15	Tâm lý học mầm non	Phần 1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lý con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lý, chức năng tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý. Phần 2: Học phần tâm lý học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát triển tâm lý trẻ em qua từng giai đoạn .	4	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần: (trọng số 60%). + Hình thức thi: Viết + Thời gian thi: 120 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
16	Giáo dục học đại cương	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về: Khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; Mục tiêu, nguyên tắc và xu thế phát triển giáo dục mầm non; Hệ thống một số phương pháp giáo dục sớm và những kiến thức về nghề giáo	2	2	a. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60 %).

		viên mầm non.			- Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm chung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 theo thang điểm 10.
17	Giáo dục học mầm non	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong giáo dục học, giáo dục học mầm non: Nội dung, phương pháp, hình thức và các nhiệm vụ giáo dục cơ bản của trường mầm non. Đồng thời cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong trường mầm non. Quá trình chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.	4	1	a. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì *Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì: (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) *Thi kết thúc học phần: (trọng số 60 %). - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 120 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm chung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 theo thang điểm 10.
18	Tiếng Việt	Học phần gồm: Chương 1. Ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết, chính âm chính tả. Chương 2. Từ vựng tiếng Việt: Từ và đặc điểm của từ, cấu tạo từ tiếng Việt; một số vấn đề nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt, cụm từ cố định, một số phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại, câu, dấu câu, đoạn văn và văn bản.	2	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường

					xuân, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
19	Văn học	Học phần gồm 4 chương cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thường thức về lí luận văn học, làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; văn học dân gian Việt Nam; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài với các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Học phần cung cấp cách thức sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. Nội dung chương trình gắn với chương trình mầm non hiện hành, mang tính thực tế rõ rệt.	2	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
20	Mỹ thuật và đồ chơi trẻ em	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật xa gần và tỉ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, màu sắc, trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa. Sử dụng đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập đơn giản như: vẽ tỉ lệ người; vẽ theo mẫu; trang trí hình vuông; phóng tranh và minh họa tranh truyện. Hiểu được khái niệm, quy trình, kĩ thuật làm đồ chơi. Sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng phối hợp được kiến thức về mỹ thuật và kiến thức về làm đồ chơi để hoàn thành một số sản phẩm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa, phế vật liệu, vật liệu thiên nhiên và vật liệu vải.	3	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Tự luận. - Thời gian làm bài: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10.

21	Âm nhạc	- Một số khái niệm về âm nhạc, về quãng, về thang âm, điệu thức, giọng và về hợp âm... - Tìm hiểu một số kí hiệu ghi chép nhạc thông thường như : Khuông khóa nhạc, nốt nhạc, một số kí hiệu làm tăng cường độ các nốt nhạc... : 15tiết (1tín chỉ) - Đọc nhạc và hát những bài hát trong chương trình Mầm non: 30 tiết (2 tín chỉ). Trong đó gồm có 4 bài. Học phần này sinh viên được làm quen, thực hành đọc nhạc và hát một số lời bài hát trong chương trình giáo dục ở trường mầm non với các giọng như: Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ	3	2	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: - Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) + Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) - Thi kết thúc học phần: (trọng số 60%): + Hình thức thi: Viết + Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
22	Múa và dàn dựng múa	- Học phần gồm 2 chương với cấu trúc 2 phần : + Phần 1 : Giới thiệu về nghệ thuật múa và một số động tác múa cơ bản. + Phần 2 : Dàn dựng múa cho trẻ. - Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của vai trò của múa đối với việc giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non. - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy múa và vận động cho trẻ. - Thông qua những kiến thức, những kĩ năng có được ở môn học, SV biết vận dụng một cách sáng tạo những động tác múa, vận động vào các bài hát ở nhà trẻ và mẫu giáo.	2	6	- Điểm kiểm tra thường xuyên: 03 điểm (hệ số 1) - Điểm kiểm tra định kì: 01 điểm (hệ số 2) - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: thực hành. * Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. - Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

23	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Học phần gồm 7 bài, bao gồm những kiến thức cơ bản về: các thời kì phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em; đặc điểm sinh lí và vệ sinh; bảo vệ các hệ cơ quan (hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ vận động, hệ sinh dục, tuyến nội tiết, cơ quan phân tích, hệ thần kinh) của trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sinh lí của trẻ qua từng thời kì, chỉ ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.	2	1	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (Hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (Hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
24	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần gồm 7 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ; phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói.	2	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
25	Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với văn học	Học phần gồm 3 chương Chương 1. Phương pháp cho trẻ làm quen với văn học xoay quanh các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện; đặc biệt chú ý cung cấp các kiến thức và rèn cho sinh viên kĩ năng đọc và kể chuyện diễn cảm, chuyển thể	2	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết

		tác phẩm văn học sag kịch bản cho trẻ đóng kịch,... là một trong những kĩ năng quan trọng cần có của người giáo viên mầm non. Chương 2. Cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học: trang bị cho sinh viên các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện, từ đó vận dụng vào thiết kế góc văn học, thiết kế giáo án tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện trong chương trình mầm non. Chương 3. Hướng dẫn sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.			- Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
26	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm, nguyên tắc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; Người học vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ các độ tuổi. Người học nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản về hình thành và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non thông qua các chương trình Toán Finger Math, Toán Soroban và các bài tập toán tư duy phù hợp với từng độ tuổi.	4	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2). * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 120 phút. b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	- Học phần gồm các nội dung về đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em. - Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em. - Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình. - Các yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non. - Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.	3	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Tự luận. - Thời gian làm bài: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10.
28	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về vai trò của giáo dục của âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc như: nghe nhạc, hát, múa, vận động, trò chơi. - Học phần giúp sinh viên nắm được các loại tiết học âm nhạc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong giờ chính khoá và giờ ngoại khoá. - Thực hành lập kế hoạch bài dạy, giảng tập	3	4	- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) - Điểm kiểm tra định kì: 01 điểm (hệ số 2) - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Tự luận + Thực hành. * Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học lí thuyết và thực hành, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

29	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh	Cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản: một số khái niệm; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; cơ sở giáo dục học của việc tổ chức hoạt động khám phá MTXQ (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ) Hướng dẫn người học cách lập kế hoạch, tổ chức hoạt động khám phá MTXQ thông qua sinh hoạt hàng ngày; hoạt động học có chủ đích; hoạt động vui chơi ở các độ tuổi mẫu giáo.	3	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
30	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	Giúp người học hiểu biết về vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non; vai trò của giáo viên mầm non đối với hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; nắm được phân phối chương trình nội dung hoạt động vui chơi theo từng chủ đề phù hợp độ tuổi; thiết kế trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp với từng hoạt động gắn với từng chủ đề, độ tuổi của trẻ; tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi; thiết kế phiếu đánh giá quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non; rèn luyện và phát triển khả năng đánh giá kĩ năng chơi của trẻ; cách tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non. Hướng dẫn người học vận dụng, lồng ghép các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới vào tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.	4	4	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần - Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) + Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) - Thi kết thúc học phần: (trọng số 60%) + Hình thức thi: Viết + Thời gian: 120 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	giúp người học nắm được mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nắm rõ các điều kiện và phương tiện đối với từng loại bài tập và hình thức giáo dục thể chất. Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp lứa tuổi, chủ đề ; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ thông qua các bài tập thể chất, quá trình tổ chức trò chơi vận động, hoạt động học thể dục, hội thể dục thể thao của giáo viên mầm non;	3	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: - Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) + Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) - Thi kết thúc học phần: (trọng số 60%): + Hình thức thi: Viết + Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
32	Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình giáo dục mầm non (GDMN) phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của bậc học mầm non. Dự báo sự thay đổi của chương trình giáo dục mầm non trong nước và trên thế giới. Vận dụng kiến thức đã học lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, lập kế hoạch tiếp cận sự kiện và chương trình phát sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn và tiếp cận với các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới; thành thực trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	3	4	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình của học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10.
33	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần gồm có 05 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, xử lý bước đầu và	2	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (Hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (Hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết

		chăm sóc khi trẻ bị ốm, bị tai nạn. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non hiện nay.			- Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
34	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Học phần Vệ sinh – Dinh dưỡng được cấu trúc thành 02 phần với 05 chương - Phần 1: Vệ sinh gồm có 02 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ ở trường mầm non (nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non). - Phần 2: Dinh dưỡng gồm có 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ; năng lượng và các chất cần thiết đối với cơ thể trẻ; cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng và an toàn vệ sinh thực phẩm; cách thức xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ theo lứa tuổi ở trường mầm non.	3	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (Hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (Hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

35	Quản lý và Đánh giá trong giáo dục mầm non	Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Nghiệp vụ quản lý trường mầm non, quản lý nhóm/lớp, trẻ mầm non... Từ đó giúp người học vận dụng vào thực tiễn để quản lý và xử lý các tình huống có thể gặp trong quản lý trường mầm non và công tác quản lý chăm sóc giáo dục trẻ. Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Vận dụng kiến thức đã học thiết kế phiếu đánh giá, tìm minh chứng tiến hành đánh giá và xử lý kết quả đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.	3	5	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%) - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
36	Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường	Bao gồm các cơ sở lý luận chung về giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non. Nội dung, phương pháp và cách tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

37	Nhạc cụ	- Giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử (Organ) - Tư thế ngồi tập đàn - Một số kỹ thuật luyện gam cơ bản, bài luyện gam các giọng - Cách soạn hợp âm và tập đệm một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non - Cách lấy nhạc, tiết tấu, âm sắc, các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 05 phút/1 sinh viên b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
38	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên hiểu tích hợp là gì, mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non. Các nội dung, hình thức tích hợp khi tổ chức các hoạt động ở mầm non. Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Giới thiệu một số hoạt động tích hợp phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ cho trẻ mầm non, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non. Vận dụng cơ sở lý luận đã học lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động trong chương trình GDMN theo hướng tích hợp.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

39	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Học phần “ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” bao gồm: Những vấn đề cơ bản về hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1; phiếu đánh giá hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
40	Nghề giáo viên mầm non	Học phần “Nghề giáo viên mầm non” cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non nhiệm vụ, quyền hạn và những điều không được làm của người giáo viên mầm non; các kĩ năng nghề cụ thể về nghiệp vụ chăm sóc, giảng dạy; quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non; tự đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm....của giáo viên mầm non; tình huống sự phạm trong công tác của giáo viên mầm non.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
41	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non; hiểu rõ đặc điểm thực hiện hành vi văn hoá của trẻ theo từng lứa tuổi từ đó xác định nhiệm vụ, lựa chọn nội dung, hình	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết

		thức, phương pháp giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ đạt hiệu quả; thiết kế các hoạt động giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; thiết kế trang trí lớp, góc hoạt động, bảng tuyên truyền....giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non phù hợp chủ đề, lứa tuổi của trẻ; bước đầu biết đánh giá hành vi văn hoá của trẻ mầm non.			- Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
42	Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Toán Finger Math và Toán Soroban phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non; Người học biết cách lựa chọn nội dung, thiết kế và sử dụng các bài tập toán tư duy phù hợp với các độ tuổi của trẻ mầm non.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 60 phút. b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
43	Trang trí trường, lớp mầm non	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về trang trí ứng dụng; Nét, mảng và màu sắc; Trang trí đường diềm; Gấp cắt chữ cái và chữ số; Trang trí trường, lớp mầm non; Trang trí sân khấu (hội trường); Trang trí theo chủ đề tết. Sử dụng các kiến thức về đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập phác thảo đơn giản cho trang trí trường, lớp mầm non như: Vẽ tranh tường; Trang trí diềm tường; Cắt chữ cái, chữ số; Trang trí hành lang, cửa, góc lớp...sân khấu (hội trường) và trang trí theo chủ đề tết.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Tự luận. - Thời gian làm bài: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường

					xuyên, định kì không thấp hơn 4.0 điểm theo thang điểm 10.
44	Thể dục nhịp điệu	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được ý nghĩa, tác dụng của môn thể dục nhịp điệu trong việc rèn luyện sức khỏe hằng ngày, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên. Trang bị cho sinh viên 7 động tác thể dục nhịp điệu cơ bản: điều hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, nâng gối, đá cao, bật dạng chân, bật ép dọc chân; Phối hợp giữa 7 động tác cơ bản với tư thế của tay và thân người; Đội hình và xếp tháp; Kết hợp với âm nhạc để tập luyện và dàn dựng biểu diễn 01 bài thể dục nhịp điệu.	2*	3	- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) (Trọng số 40%) - Điểm kiểm tra định kì: 02 điểm (hệ số 2) (Trọng số 60%) - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Thực hành. * Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. - Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
45	Âm nhạc truyền thống địa phương	Học phần gồm 2 tín chỉ trong đó có 18 tiết lí thuyết và 12 tiết thực hành, ngoài phần mở đầu tìm hiểu đối tượng, phương pháp truyền dạy, ý nghĩa của học phần, nội dung môn học gồm 2 chương và 6 bài giúp người học nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc truyền thống Quan họ, tìm hiểu chương trình âm nhạc Quan họ, đặc điểm khả năng âm nhạc, tiếp thu văn hóa âm nhạc Quan họ, biết được các phương pháp dạy hát và dạy biểu diễn, biết thực hành hát ở các giọng lẻ lối và giọng vật, biết biểu diễn theo phong cách, lẻ lối Quan họ.	2*	3	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành hát Quan họ - Thời gian: 5 phút/1 sinh viên b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

46	Thực tập sư phạm 1 (3 tuần)	- Củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành ở năm thứ 1 và để chuẩn bị tốt cho đợt thực tập ở năm thứ 3. - Giúp sinh viên sư phạm đi sâu tìm hiểu thực tế giáo dục, tiếp xúc với trẻ và giáo viên trường Mầm non, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp. - Giúp sinh viên sư phạm tập làm một số công việc về giáo dục, giảng dạy của giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	2	4	- Sau mỗi đợt thực tập, mỗi giáo sinh có một điểm tổng hợp của tất cả các nội dung thực tập được thống kê. - Điểm tổng hợp thực tập sư phạm năm thứ 2 (điểm TTSP) là điểm trung bình cộng các nội dung thực tập gồm các điểm sau: Giảng dạy hệ số 1, Báo cáo thu hoạch (BCTH) hệ số 2, Chủ nhiệm lớp (CNL) hệ số 2, Ý thức tổ chức kỉ luật (TCKL) hệ số 1, Điểm TTSP 1 = (GD + BCTH x 2 + CNL x 2 + TCKL) : 6 * Đánh giá xếp loại - Loại Xuất sắc đạt từ 8,5 - 10 điểm. - Loại Giỏi đạt từ 8,0 - 8,4 điểm. - Loại Khá đạt từ 7,0 – 7,9 điểm. - Loại Trung bình đạt từ 5,5 – 6,9 điểm. - Loại Trung bình Yếu đạt từ 4,0 – 5,4 điểm. - Loại Kém dưới 4,0 điểm. * Lưu ý: Sau khi có điểm TTSP, phòng Đào tạo sẽ chuyển điểm bằng số sang điểm bằng chữ theo quy định.
47	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	1. Giúp sinh viên sư phạm nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành giáo viên giỏi. 2. Tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành năng lực sư phạm. 3. Kết quả thực tập sư phạm (TTSP) năm thứ 3 là một điều kiện để sinh viên được công nhận tốt nghiệp.	4	6	Đánh giá theo phiếu và quy về thang điểm 10 trong từng tiết (hoạt động) dạy. - Kiểm tra đánh giá: 6 giờ hoạt động giáo dục sau đó tính trung bình cộng của 6 giờ. Điểm thực tập giảng dạy được tính như sau: Điểm trung bình cộng của 6 giờ hoạt động giáo dục. - Điểm tổng hợp thực tập sư phạm năm thứ 3 (cuối khóa) là điểm trung bình cộng các nội dung thực tập: Báo cáo thu hoạch (BCTH) hệ số 1, Ý thức tổ chức kỉ luật (TCKL) hệ số 1, Thực tập làm chủ nhiệm lớp (CNL) hệ số 2, Thực tập giảng dạy (GD) hệ số 3 Điểm TTSP2 = (BCTH + TCKL + CNL x 2 + GD x 3) : 7 - Điểm tổng hợp của cả đợt thực tập là trung bình cộng của các điểm thành phần đã tính hệ số, tính theo thang điểm 10 bậc và được làm tròn đến một chữ số thập

		4. Giúp các cơ sở đào tạo giáo viên, các cấp quản lí giáo dục có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo giáo viên, từ đó đề xuất phương hướng nâng cao chất lượng đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng giáo viên.			phân. Đánh giá xếp loại - Loại Xuất sắc đạt từ 8,5 - 10 điểm. - Loại Giỏi đạt từ 8,0 - 8,4 điểm. - Loại Khá đạt từ 7,0 – 7,9 điểm. - Loại Trung bình đạt từ 5,5 – 6,9 điểm - Loại Trung bình Yếu đạt từ 4,0 – 5,4 điểm. - Loại Kém dưới 4,0 điểm * Lưu ý: Sau khi đã có điểm tổng hợp kết quả TTSP, phòng Đào tạo sẽ chuyển điểm bằng số sang điểm bằng chữ theo quy định.
48	Các môn lí luận chính trị	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp	3	6	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp
49	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lí luận của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non: khái niệm, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, cách bố trí, sắp xếp, quy trình thiết kế môi trường hoạt động.... Vận dụng lí luận đã học thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trong chương trình giáo dục mầm non và điều kiện thực tế ở từng trường mầm non	2	6	a. Điểm thi kết thúc học phần (trọng số 100%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;
50	Giáo dục hòa nhập và hoạt động trải nghiệm	Phần I: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (GDHN), các quan điểm, bản chất và những tích cực của giáo dục hòa nhập. Nội dung, nguyên tắc, cách thực hiện và đánh giá trong giáo dục hòa nhập. Từ đó tạo môi trường, mở rộng	3	6	a. Điểm thi kết thúc học phần (trọng số 100%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;

		mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cộng đồng. Phần II: Bao gồm hệ thống lí luận về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho trẻ mầm non, nội dung và hình thức tổ chức. Hướng dẫn quy trình và thiết kế HĐTN cụ thể theo các dạng hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.			
--	--	--	--	--	--

II. Các học phần chương trình đào tạo các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Tiếng Anh K39

1. Các học phần chung (dành cho hệ CĐSP)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để thực hành kĩ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.	2	1	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
2	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh và giúp SV nâng cao năng lực sử dụng các kĩ năng giao tiếp căn bản ở cuối trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội ngữ pháp bao gồm các dạng cấu trúc của thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ hoàn thành, câu bị động, câu gián tiếp, câu điều kiện. SV có thể sử dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để nâng cao kĩ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề quen	2	2	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

		thuộc đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.			
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn. Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác thông tin từ Internet, thư điện tử....	2	3	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 4 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 4 điểm đánh giá thực hành.
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	1	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. - Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần (hệ số 1) gồm: chuẩn bị bài học ở nhà, nhận thức và thái độ tham gia thảo luận. + 2 điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1). Điểm đánh giá bộ phận hệ số 1. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.	3	2	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. - Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần (hệ số 1): đánh giá tham gia lần bản thu hoạch, thảo luận, xây dựng bài... + 3 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.	2	3	- Các điểm đánh giá bộ phận được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1)

		- Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...			+ Điểm kiểm tra thường xuyên: mỗi tín chỉ có một bài kiểm tra (hệ số 1) + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
7	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. - Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...	3	4	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. - Điểm đánh giá bộ phận (hệ số 1, trọng số là 30%)gồm: + 1 điểm chuyên cần:Đánh giá làm bài tập, thảo luận đầy đủ, hăng hái phát biểu xây dựng bài... + 3 điểm kiểm tra thường xuyên. + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
8	Pháp luật đại cương	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...	2	5	- Điểm đánh giá bộ phận (30% tổng số điểm học phần) + 2 điểm thường xuyên: thời gian làm bài: 50 phút. + 1 điểm chuyên cần : Dự lớp, đi học đủ đúng giờ, làm bài tập, thảo luận đầy đủ, hăng hái phát biểu xây dựng bài. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
9	Quản lí hành chính nhà nước – Quản lí ngành giáo dục và đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lí nhà nước.	2	6	- Điểm đánh giá bộ phận (30% tổng số điểm học phần) + 2 điểm thường xuyên: thời gian làm bài: 50 phút. + 1 điểm chuyên cần : Dự lớp, đi học đủ đúng giờ, làm bài tập, thảo luận đầy đủ, hăng hái phát biểu xây dựng bài. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
10	Giáo dục thể chất 1	Sinh Trang bị cho sinh viên lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; nắm được chương trình GDTC và những yêu cầu của môn học đối với	1*	1	- Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) được nghiệm thu qua kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu, tự tập thực hành và tham dự các tiết học. - Kiểm tra giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2) - Kiểm tra: 01 điểm (hệ số 1) * Hình thức kiểm tra giữa học phần, kiểm tra thực hành
11	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên có những hiểu biết cơ bản về kiểm tra và tự kiểm tra y học TDTT, chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT, để đảm bảo phương pháp tập luyện khoa học.	1*	2	- Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) được nghiệm thu qua kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu, tự tập thực hành và tham dự các tiết học. - Kiểm tra giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2) - Kiểm tra: 01 điểm (hệ số 1) * Hình thức kiểm tra giữa học phần, kiểm tra thực

		Sinh viên nắm được những kĩ thuật cơ bản của các môn: Nhảy cao úp			hành
12	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lí tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	1	- Điểm đánh giá bộ phận: + 01 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 02 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
13	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	2	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kĩ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	3	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
15	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	4	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

2. Các học phần chuyên ngành: GDMN

1	Tâm lí học mầm non	Phần1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lí con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lí, chức năng tâm lí, thấy được các mặt của đời sống tâm lí, thấy được các mặt của đời sống tâm lí. Phần 2: Học phần tâm lí học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát triển tâm lí trẻ	4	1	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học, thái độ tham gia các bài thảo luận) - hệ số 1 + 2 điểm kiểm tra thường xuyên- hệ số 1 +1 điểm thi giữa kì - hệ số 2
---	--------------------	---	---	---	--

		em qua từng giai đoạn .			
2	Giáo dục học mầm non	Phần 1: Trình bày hệ thống lí luận chung nhất về khoa học giáo dục: tính chất , chức năng vị trí của bậc mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu đào tạo bậc mầm non nói riêng. Những đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên. Phần 2: Trang bị kiến thức về nội dung giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non: Nội dung, phương pháp , hình thức tổ chức hoạt động vui chơi, ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non. Đồng thời cung cấp những khái niệm, các loại hình, cách thức quản lí trong giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật.	6	2	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, thái độ và chất lượng tham gia các bài thảo luận) - hệ số 1 + 2 điểm kiểm tra quá trình - hệ số 1 + 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 - Điểm
3	Tiếng Việt	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức sơ giản về ngữ âm, từ vựng Tiếng Việt; về ngữ pháp và ngữ pháp căn bản TV. Nội dung học phần cung cấp cấp những kiến thức cơ sở quan trọng để SV có năng lực tiếp thu các kĩ năng về PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.	2	1	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm thực hành, thảo luận: 1 điểm (hệ số 1) + Thi/ kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70)
4	Văn học	Học phần cung cấp kiến thức để phát triển cho sinh viên MN những hiểu biết cơ bản về lí luận văn học liên quan trực tiếp đến các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; những kiến thức trọng tâm về văn học thiếu nhi, văn học dân gian Việt Nam.	2	2	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Dự lớp (chuyên cần): 01 điểm (hệ số 1) + Thực hành: 01 điểm (hệ số 1) + Thi/kiểm tra giữa kì: 01 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%)
5	Mĩ thuật và đồ chơi trẻ em	Học phần cung cấp kiến thức để phát triển cho sinh viên MN những hiểu biết cơ bản về lí luận chung về nghệ thuật tạo hình như kiến thức về: Luật xa gần và tỷ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh hoạ. - Nắm được khái niệm về đồ chơi, nguyên tắc làm	3	1	- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận ≥ 3 . Điểm TB học phần gồm 2 điểm đánh giá được qui định như sau - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30% , được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần: hệ số 1 + 1 điểm kiểm tra giữa

6	Âm nhạc	Học phần cung cấp kiến thức để phát triển cho sinh viên MN những hiểu biết cơ bản về Nhạc lí phổ thông. - Người học nắm được các kĩ năng đọc nhạc và hát lời ca một số bài hát ở các giọng. Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường	3	2	Điểm TBC học phần gồm 2 loại điểm - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 + 1 điểm đánh giá nhận thức thảo luận, tự học: hệ số 1 + 1 điểm kiểm tra giữa kì: hệ số 2
7	Múa và dàn dựng múa	Học phần cung cấp kiến thức để phát triển cho sinh viên MN những hiểu biết cơ bản về nghệ thuật múa, một số động tác múa căn bản; ứng dụng các động tác múa Những phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhạc. Thực hành một số động tác múa cơ bản của dân tộc Kinh và dân tộc ít người.	2	3	Điểm học phần = 0,3 x điểm ĐGBP + 0,7 điểm thi kết thúc học phần - Trong đó điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30% được tính bằng trung bình cộng (được làm tròn đến một chữ số thập phân) của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
8	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của PP phát triển thể chất của trẻ mầm non (các thời kì phát triển cơ thể trẻ, các chỉ số đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ) - SV hiểu được các đặc điểm cơ bản về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.	2	1	Điểm TB học phần gồm 2 điểm đánh giá được qui định như sau: * Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Điểm chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận/ thực hành): 1 điểm (hệ số 1) 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
9	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non: Đối tượng, nhiệm vụ. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ . Có kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ	2	3	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Dự lớp (chuyên cần): 1 điểm (hệ số 1) + Thảo luận, thực hành, soạn giảng: 1 điểm (hệ số 2) + Thi/kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 30%)

10	PP tổ chức cho trẻ MN làm quen với văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về các phương pháp, các hình thức tổ chức giờ dạy làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non. Sinh viên được rèn luyện năng lực phân tích, cảm thụ	2	5	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Dự lớp (chuyên cần): 01 điểm (hệ số 1) + Thực hành - thảo luận: 01 điểm (hệ số 2) + Thi/ Kiểm tra giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2). - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm
11	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản dạy trẻ làm quen với toán. Nội dung, phương pháp hình thành các biểu tượng về số lượng, con số, phép đếm cho trẻ mầm non, các biểu tượng về kích thước, hình dạng, định hướng không gian và thời gian cho trẻ mầm non.	3	5	- Điểm bộ phận có trọng số 30% được tính bằng trung bình các điểm sau (làm tròn đến 1 chữ số phần thập phân): + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm thực hành tập giảng: 1 điểm (hệ số 2) + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
12	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em. Hiểu được vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em. Hiểu được mục đích nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ	3	3	- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận ≥ 3 . Điểm trung bình gồm 2 loại điểm: - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30% được tính bằng TBC của các điểm sau : + 1 điểm chuyên cần (hệ số 1) + 1 điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1) + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
13	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non. Trên cơ sở nắm được đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi của trẻ có liên quan đến các hoạt động âm nhạc, sinh viên có kĩ năng nghiệp vụ dạy trẻ hoạt động âm nhạc.	3	4	Điểm TBC học phần gồm 2 loại điểm - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 + 1 điểm đánh giá nhận thức thảo luận, tự học: hệ số 1 + 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	PP khám phá khoa học về MTXQ	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận và nội dung, phương pháp, quy trình và cách tiến hành tổ chức cho trẻ hoạt động khám phá khoa học về MTXQ. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên một số kĩ năng như: kĩ năng tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ.	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận : 30%+ Điểm chuyên cần : 1 điểm HS1+ Điểm kiểm tra thực hành: 2 điểm HS2- Điểm thi kết thúc học phần : Tự luận 90 phút, trọng số 70%
15	Tổ chức	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận và	5	4	- Điểm đánh giá bộ phận: 4 bài (trọng số 30%)

	HĐVC cho trẻ mầm non	phương pháp, hiểu rõ vị trí của hoạt động vui chơi so với các hoạt động khác cũng như vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non; SV biết lựa chọn, sử dụng phương pháp phù hợp với từng trò chơi và lứa tuổi của trẻ mầm non			+ Dự lớp (chuyên cần): 1 điểm (hệ số 1) + Bài kiểm tra: 1 điểm (hệ số 1) + Bài thực hành: 1 điểm (hệ số 2) + Bài thu hoạch: 1 điểm (hệ số 2) - Thi cuối kì: Tự luận 120
16	PP GD thể chất cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận và phương pháp đặc điểm phát triển vận động của trẻ lứa tuổi mầm non từ đó biết lựa chọn, hướng dẫn các loại bài tập thể chất cho trẻ đạt hiệu quả - Nắm được kĩ thuật thực hiện từng loại bài tập thể chất ở trường mầm non (Bài tập phát triển thể chất cho trẻ mầm non)	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận: 3 bài(trọng số 30%) + Dự lớp (chuyên cần): 1 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra giữa kì (thực hành) : 1 điểm (hệ số 2) + Bài kiểm tra: 1 điểm (hệ số 2) - Thi cuối kì: 1 bài thực hành
17	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận, các khái niệm, ý nghĩa, cách tiếp cận và các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non. - Cung cấp kiến thức về cách lập các loại kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non. - Sinh viên nắm được các chủ đề và các nội dung tổ chức thực hiện chương trình.	3	4	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 + 2 điểm thảo luận, thực hành - hệ số 2 - Thi kết thúc học phần: Hình thức thi tự luận, thời gian 90 phút.
18	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	- Sinh viên nắm được quá trình tăng trưởng về thể chất và sự phát triển tâm vận động ở trẻ, hiểu rõ các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ Nắm được nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng bệnh và điều trị của một số bệnh thường gặp ở trẻ.	2	3	1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 70%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 - 1 điểm đánh giá ý thức học và các bài thực hành trên lớp – hệ số 2 2. Điểm thi kết thúc học phần: Thi thực hành
19	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	- Sinh viên nắm được hệ thống những tri thức cơ bản về vệ sinh trẻ em, bao gồm: Vệ sinh vật và kí sinh trùng gây bệnh thường gặp; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các trường mầm non. Yêu cầu và cách tiến hành vệ sinh trường.	3	3	- Điểm đánh giá bộ phận : 30%+ Điểm chuyên cần : 1 điểm HS1+ Điểm kiểm tra thực hành: 2 điểm HS2- Điểm thi kết thúc học phần : 1 điểm thi tự luận, trọng số 70% 12. Thang điểm: Thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành thang điểm chữ.

20	Quản lý và Đánh giá trong giáo dục mầm non	Giúp sinh viên - Nắm được một cách có hệ thống những tri thức cơ bản về quản lý giáo dục mầm non và quản lý trường/lớp mầm non. - Nắm được kiến thức cơ bản về đánh giá trong GDMN - Bước đầu hình thành một số kỹ năng về nghiệp vụ quản lý, đánh giá.	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30% - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm các bài thảo luận - hệ số 2 - 1 điểm thực hành – hệ số 2 - Điểm thi kết thúc học phần : 1 điểm thi tự luận, trọng số 70%
21	Nhạc cụ	Cung cấp cho SV hiểu về cấu tạo, tính năng hoạt động của đàn organ. Rèn kỹ năng tập luyện các bài đàn, thực hành ở các giọng trưởng, thứ.	2	5	. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 70%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 - 1 điểm đánh giá ý thức học và các bài thực hành trên lớp – hệ số 2 2. Điểm thi kết thúc học phần: Thi thực hành
22	Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ MN	- Sinh viên nắm được hệ thống những vấn đề lý luận về môi trường hoạt động của trẻ mầm non và cách tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non - SV lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho trẻ.	2*	6	- Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm, thi tự luận thời gian 60 phút
23	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	- Sinh viên nắm được hệ thống những vấn đề lý luận về môi trường hoạt động của trẻ mầm non và cách tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non - SV lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho trẻ mầm non.	2*	6	- Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm, thi tự luận thời gian 90 phút
24	Nghề giáo viên Mầm non	- Hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, những điều không được làm của người giáo viên mầm non. - Hiểu được nội dung, hình thức và mô tả được quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non. - Hiểu về chế độ làm việc, quyền lợi giáo viên mầm non.	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận: 2 bài (trọng số 30%) + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm bài kiểm tra: 1 điểm (hệ số 2) - Thi cuối kì: Tự luận 90 phút (trọng số 70%)

25	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	- Hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kỹ năng cần thiết để cho trẻ vào lớp 1. Các PP, hình thức điều kiện cần thiết để tổ chức hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Vận dụng tổ chức một số hoạt động học tập, vui chơi nhằm hình thành tâm lý thể lực, các kỹ năng chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào lớp 1.	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận: 2 bài (trọng số 30%) + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm bài kiểm tra: 1 điểm (hệ số 2) - Thi cuối kì: Tự luận 90 phút (trọng số 70%)
26	Thực tập sư phạm 1 (2T)	- Củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành ở năm thứ 1 và để chuẩn bị tốt cho đợt thực tập ở năm thứ 3. - Giúp sinh viên sư phạm đi sâu tìm hiểu thực tế giáo dục, tiếp xúc với trẻ và giáo viên trường Mầm non.	2	4	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.
27	Thực tập sư phạm 2 (6T)	Giúp sinh viên sư phạm nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành giáo viên giỏi.	4	6	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.
28	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ MN	- Sinh viên nắm được hệ thống những vấn đề lý luận về môi trường hoạt động của trẻ mầm non và cách tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non - SV lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các	3	6	- Điểm đánh giá bộ phận: 30% + Điểm chuyên cần: 1 điểm HS1 + Điểm kiểm tra thực hành: 2 điểm HS2 - Điểm thi kết thúc học phần: 1 bài thi tự luận thời gian 90 phút, trọng số 70%
29	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ MN	- Hiểu được mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi - Rèn luyện kỹ năng lựa chọn nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa phù hợp mục tiêu giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ.	2	6	- Điểm đánh giá bộ phận: 2 bài (trọng số 30%) + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Bài kiểm tra: 1 điểm (hệ số 2) - Thi cuối kì: 1 bài tự luận, 90 phút (trọng số 70%)

3. Các học phần chuyên ngành: GDTH

1	Tâm lí học tiểu học	- Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về tâm lí học, các quy luật tâm lí. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề lí luận chung của sự phát triển tâm lí học sinh, các đặc điểm tâm lí cơ bản của học sinh tiểu học .	3	1	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: +1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 + 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%)
2	Giáo dục học tiểu học	Hình thành cho sinh viên hệ thống kiến thức về khoa học giáo dục: Khái niệm, cấu trúc, mục tiêu giáo dục, vai trò của yếu tố giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Đồng thời giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc nội dung tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.	3	2	1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau:- 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học, thái độ tham gia thảo luận) - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra quá trình- hệ số 1 - 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 2. - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%)
3	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	- Nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lí của hệ thần kinh và hoạt động của thần kinh cấp cao, hoạt động của các cơ quan phân tích, các tuyến nội tiết, hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết và trao đổi chất...	2	1	Điểm TB học phần gồm 2 điểm đánh giá được qui định như sau: * Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Điểm chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận/ thực hành): 1điểm (hệ số 1) - Điểm bài kiểm tra định kì hệ số 2
4	Nhạc lí phổ thông	- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Nhạc lí phổ thông. - Thực hành đọc nhạc, ghép lời các bài hát trong chương trình âm nhạc Tiểu học. - Sinh viên vận dụng kiến thức Nhạc lí phổ thông vào việc học tập các môn học khác	2	1	Điểm học phần = 0,3 x điểm ĐGBP + 0,7 điểm thi kết thúc học phần - Trong đó điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30% được tính bằng trung bình cộng (được làm tròn đến một chữ số thập phân) của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + 1 Điểm thi giữa học kì hệ số 2

5	Mĩ thuật	- Nắm được một số kiến thức cơ bản và phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn, tạo dáng. - Hiểu biết thêm về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, về cuộc đời – sự nghiệp và những đóng góp to lớn cho nền văn hóa – nghệ thuật.	2	2	- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận ≥ 3. - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (hệ số 1) + 1 điểm kiểm tra thường xuyên(hệ số 1) + 1 điểm kiểm tra giữa kì (hệ số 2)
6	Công tác đội TNTPHCM và sao nhi đồng	- Sinh viên nắm được những kiến thức chung về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ với thiếu nhi Việt Nam và tổ chức Đội, Lịch sử; Hệ thống tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh; Hoạt động nhi đồng trong trường tiểu học.- Hướng dẫn sinh viên kĩ	1	3	- Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) được nghiệm thu qua kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu, tự tập thực hành và tham dự các tiết học. - Kiểm tra giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2) - Kiểm tra: 01 điểm (hệ số 1) * Hình thức kiểm tra giữa học kì: thực hành
7	Rèn nghiệp vụ sư phạm Tiểu học	- Sinh viên nắm được vị trí, tác dụng của RLNVSPTX trong quá trình đào tạo giáo viên. Hiểu và nắm vững các công việc của người giáo viên trong hoạt động dạy học và giáo dục ở trường TH: NCKH giáo dục, nội dung về giao tiếp sư phạm.	2	3	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 + 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 + 1 điểm bài kiểm tra thực hành – Hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm
8	Cơ sở TNXH và PPDH TNXH	- Phân loại, tổng hợp, hệ thống hoá được kiến thức cơ bản về các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học. - Nắm được nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học. - Xác định được một	3	4	- Điểm TB học phần gồm 2 điểm đánh giá được qui định như sau: * Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Điểm chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận/ thực hành): 1 điểm (hệ số 1) - Điểm bài kiểm tra giữa kì hệ số 2
9	Thủ công - Kỹ thuật và Phương pháp dạy học thủ công - kĩ thuật	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản, thông thường về kĩ thuật xé, gấp, đan, cắt dán tạo hình bằng giấy bìa và làm đồ chơi đơn giản. - Nắm được kĩ thuật cắt, khâu, thêu và nấu ăn trong gia đình; kĩ thuật trồng rau, hoa và chăn nuôi...	2	5	- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận >3 - Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (Dự lớp theo qui chế, kết quả tự học, ý thức học tập): hệ số 1 + 1 điểm kiểm tra giữa kì: hệ số 2

10	Đạo đức và Phương pháp giảng dạy đạo đức	- Trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức cơ bản về đạo đức và các phạm trù đạo đức. - Nắm được vai trò của quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. - Vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm, nội dung chương trình môn đạo đức tiểu học.	2	5	- Các điểm đánh giá bộ phận: 30% + Dự lớp (chuyên cần): 01 điểm + Kiểm tra: 01 điểm + Thực hành: 01 điểm - Thi cuối kì: 70% - Thực hiện đánh giá theo Quy chế: Điểm học phần = $0,3 \times$ điểm ĐGBP + $0,7 \times$ điểm thi kết thúc học phần - Thi kết thúc học phần trọng số 70%
11	Lịch sử, địa lí và Phương pháp dạy học Lịch sử, Địa lí	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu, những bước phát triển chính của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay. Có nhận thức đúng bản chất những sự kiện, hiện tượng lịch sử của thời kì này.	2	4	Điểm TB học phần gồm 2 điểm đánh giá được qui định như sau: * Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Điểm chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận/ thực hành): 1 điểm (hệ số 1) - Điểm bài kiểm tra giữa kì hệ số 2
12	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực hành tiếng Việt: kĩ năng đọc, viết, viết các loại văn bản trong chương trình tiểu học (miêu tả, kể chuyện, văn bản ứng dụng...) Củng cố và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt.	3	2	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (hệ số 1) + Thực hành: 1 điểm (hệ số 2) + Thi/kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm trọng số 70%
13	Văn học	Cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí luận văn học; những thành tựu về nội dung và đặc điểm nghệ thuật của văn học Việt Nam cũng như văn học thế giới đến thế kỉ XX. Sinh viên có những hiểu biết về những tác giả, tác phẩm.	4	5	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Dự lớp (chuyên cần): 01 điểm (hệ số 1) + Thảo luận/ thực hành: 01 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (hệ số 2) + Thi/kiểm tra giữa kì: 01 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần 70%
14	Tiếng Việt 1	Nhận thức, mô tả, lí giải được bản chất, cấu trúc, hoạt động của hệ thống ngữ âm và từ vựng tiếng Việt hiện đại. b. Kĩ năng: - Xác định, phân tích được nội dung và hình thức các đơn vị ngữ âm và từ vựng của tiếng Việt; làm được các bài tập.	3	1	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) + Điểm thực hành/ thảo luận: 01 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (hệ số 2) + Thi/kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần 70%

15	Tiếng Việt 2	Nhận thức, mô tả, lí giải được bản chất, cấu trúc, hoạt động ngữ pháp của hệ thống tiếng Việt hiện đại; nắm được các phong cách chức năng, các phương tiện và biện pháp tu từ phổ biến trong tiếng Việt.	3	2	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm thực hành/ thảo luận: 01 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 2) + Kiểm tra/ thi giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%
16	PP dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về - Đối tượng, nhiệm vụ của phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học. - Mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học	3	3	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa kì: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) + Điểm thực hành: 1 (hệ số 2) + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: 01 (trọng số 70%).
17	PP dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học các phân môn: Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn trong môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Những kiến thức cụ thể về Tiếng Việt.	3	4	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm thực hành: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%
18	Tiếng Việt nâng cao	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ nghĩa và ngữ dụng tiếng Việt; những vấn đề khái quát về từ Hán Việt - Thông qua việc giảng bình từ ngữ và nội dung của các từ Hán Việt trong một số bài tập đọc và một số bài thơ văn chữ Hán.	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Thực hành, thảo luận: 01 điểm (hệ số 1) + Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 2) + Thi/ kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%
19	Cơ sở lí thuyết toán	Trang bị lí thuyết cơ bản về tập hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ, liên hệ với toán tiểu học. Giới thiệu các phép Toán logic trên mệnh đề, các bài toán suy luận đơn giản ở Tiểu học. Cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất, thống kê và liên hệ với thực tế.	2	1	-Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10) - Điểm học phần là trung bình cộng của các điểm bộ phận (với trọng số 30%) cụ thể như sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1): 1 điểm - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%

20	Các tập hợp số	- Cung cấp lí thuyết toán học hiện đại về số tự nhiên, số hữu tỉ, sự liên hệ với việc dạy số tự nhiên, phân số và số thập phân ở Tiểu học; - Những khái niệm cơ bản của cấu trúc đại số: Phép toán hai ngôi, nửa nhóm, nhóm, vành, trường.	3	3	-Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10) -Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: (làm tròn đến một chữ số thập phân) + Điểm chuyên cần hệ số 1. + Điểm thi giữa kì hệ số 2 - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%
21	Phương pháp dạy học toán 1	Giúp SV có những hiểu biết về: - Đặc điểm nhận thức của HS tiểu học khi học toán; Mục tiêu dạy học toán ở tiểu học; Mối quan hệ về mục tiêu của từng lớp và của cả bậc học; Nội dung chương trình và chuẩn học tập môn Toán ở tiểu học;	2	3	-Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10) - Điểm thường xuyên có trọng số 30% được tính bằng trung bình các điểm bộ phận (làm tròn đến 1 chữ số thập phân): + Điểm chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) + Điểm kiểm tra giữa kì: hệ số 2 - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 70%
22	Phương pháp dạy học toán 2	Giúp sinh viên có những hiểu biết và nắm được: - Sinh viên hiểu biết và trình bày được mục đích, yêu cầu nội dung và PPDH các hệ thống số ở tiểu học, có khả năng thực hiện tốt công việc dạy học các nội dung đó ở tiểu học. - Mục tiêu, nội dung dạy toán tiểu học	3	4	-Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10) - Điểm học phần gồm 2 loại điểm đánh giá bộ phận được qui định như sau: - Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: hệ số 1. - Điểm thi giữa kì hệ số 2
23	Rèn kĩ năng giải toán	Nắm được các dạng toán cơ bản và nâng cao và biết cách giải các dạng toán trong chương trình môn Toán ở Tiểu học; Đi sâu khai thác một số dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học theo các chuyên đề đã học.b. Kĩ năng Giải thành thạo toán	3	5	- Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10)Điểm học phần gồm 2 loại điểm đánh giá bộ phận được qui định như sau: - Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau:+ Điểm chuyên cần: hệ số 1. - Điểm thi giữa kì hệ số 2
24	Rèn kĩ năng viết văn bản ở tiểu học	Học phần chú trọng cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học: văn bản miêu tả, văn bản kể chuyện, văn bản viết thư; các bước tạo lập các loại văn bản đó theo đúng đặc trưng của từng văn bản.	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận trọng số 30%, được tính bằng TBC của các điểm sau: + Dự lớp (chuyên cần): 01 điểm (hệ số 1) + Thảo luận/ thực hành: 01 điểm (hệ số 2) + Thi/ kiểm tra giữa kì: 01 điểm (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%.

25	Giáo dục môi trường	- Sinh viên hiểu được các khái niệm về môi trường, nhân tố sinh thái - Nhận biết được vai trò của môi trường đối với sinh vật và con người và các tác động của con người đến môi trường sống, đến nguồn tài nguyên thiên nhiên - Giải thích được các hiện tượng môi trường.	2*	6	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): có trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Dự lớp (chuyên cần): 1 điểm hệ số 1 - Bài kiểm tra thường xuyên: 1 bài hệ số 1 - Kiểm tra giữa kì: 1 bài hệ số 2 * Thi cuối kì: 1 bài: trọng số 70%
26	Bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học	Nắm được các phương pháp chủ đạo để giải toán khó ở tiểu học; Đi sâu khai thác một số dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học theo các chuyên đề đã học. Giải thành thạo các bài toán khó ở Tiểu học.	2*	6	-Điều kiện để dự thi kết thúc học phần: điểm đánh giá bộ phận > 3,0 (thang điểm 10) - Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm - Dự lớp (chuyên cần): 1 điểm hệ số 1 - Bài kiểm tra thường xuyên: 1 bài hệ số 1 - Kiểm tra giữa kì: 1 bài hệ số 2
29	Phương pháp dạy học Toán Tiểu học chuyên sâu	Sinh viên được biết những loại kỹ năng sau: Kỹ năng phân tích chương trình, kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập cho phù hợp với đối tượng học sinh, kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học toán, kỹ năng viết câu hỏi và ra đề	2	6	- Điểm thường xuyên có trọng số 30% được tính bằng trung bình các điểm bộ phận (làm tròn đến 1 chữ số phân thập phân): + Điểm chuyên cần (hệ số 1): 1 điểm + Điểm kiểm tra giữa học phần (hệ số 2): 1 điểm.+ Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm
30	Các kỹ năng dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần Các kỹ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học phát triển cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản để dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học như: kỹ năng dạy học sinh tiểu học sử dụng tiếng Việt thông qua việc dạy chính âm, chính tả, phát triển vốn từ	3	6	- Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 100%) + Hình thức thi: Tự luận + Thời gian thi: 90 phút

4. Các học phần chuyên ngành: SP Toán học

1	Tin học đại cương	- Có kiến thức cơ bản về cấu tạo phần cứng máy tính, biết lịch sử máy tính qua các thế hệ, nêu được phân loại máy tính. - Hiểu khái niệm phần mềm máy tính, kể tên được một số loại phần mềm và nêu được một số ví dụ về phần mềm thuộc loại đó.	2	2	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: - Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra trên lớp: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2)
2	Tâm lí học trung học cơ sở	- Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về tâm lí học, các quy luật tâm lí. - Giúp sinh viên nắm được những vấn đề lí luận chung của sự phát triển tâm lí học sinh, các đặc điểm tâm lí cơ bản của học sinh trung học cơ sở.	3	3	1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo duy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 - 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 2. Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm
3	Giáo dục học trung học cơ sở	Giúp sinh viên hiểu biết về khái niệm, tính chất, chức năng, cấu trúc của khoa học giáo dục. Đồng thời giúp học hiểu biết về quá trình dạy học và giáo dục ở trường THCS. Nhận thức đầy đủ về công việc của giáo viên trong việc thực hiện nhiệm vụ.	3	3	1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra quá trình - hệ số 1 - 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 2. Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%)
4	Rèn nghiệp vụ sư phạm THCS	- Sinh viên nắm được vị trí, tác dụng của RLNVSPTX trong quá trình đào tạo giáo viên. Hiểu và nắm vững các công việc của người giáo viên trong hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông: NCKH giáo dục, nội dung về giao tiếp sư phạm	2	2	- Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: + 1 điểm chuyên cần (dự lớp theo quy chế, kết quả tự học) - hệ số 1 + 1 điểm thi giữa kì - hệ số 2 + 1 điểm bài thực hành – Hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (trọng số 70%)

5	Công tác đội TNTP Hồ Chí Minh	- Sinh viên nắm được những kiến thức chung về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ với thiếu nhi Việt Nam và tổ chức Đội, Lịch sử; Hệ thống tổ chức, Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh. - Sinh viên nắm được kĩ năng thực hành nghi thức, nghi lễ đội	1	1	- Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) được nghiệm thu qua kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu, tự tập thực hành và tham dự các tiết học. - Kiểm tra giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2) - Kiểm tra: 01 điểm (hệ số 1) * Hình thức kiểm tra giữa học kì: Thực hành
6	Nhập môn Toán cao cấp	-Nắm vững được một số khái niệm cơ bản nhất về tập hợp (hợp, giao, tập con, tập rỗng, tích Đề các), hiểu được mối quan hệ giữa các tập hợp số quen thuộc N, Z, Q, R. -Nắm vững một số khái niệm cơ bản về mệnh đề: phủ định, hội, tuyển, kéo th	3	3	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần, điểm tiểu luận (nếu có) (hệ số 2)
7	Giải tích 1	Lĩnh hội được các khái niệm và các định lí cơ bản về: giới hạn - liên tục, đạo hàm - vi phân, nguyên hàm - tích phân (của hàm số một biến số) Thông thuộc những kĩ năng cơ bản để tính giới hạn, vi phân và tích phân, đặc biệt là	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 tiết (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) -Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
8	Giải tích 2	Lĩnh hội được các khái niệm và các định lí cơ bản về: giới hạn - liên tục, đạo hàm - vi phân, tích phân của hàm số nhiều biến số, chuỗi số và chuỗi hàm.b. Về kĩ năng: Thông thạo những kĩ năng cơ bản để tính vi phân và tích phân của hàm số n	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) -Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

9	Hình học giải tích	Hệ thống hóa kiến thức về véc tơ trong tọa độ mặt phẳng và không gian Bổ túc các kiến thức về hình học thể tích Các bài toán liên hệ phổ thông và thực tế Rèn luyện các phép toán, giải toán bằng phương pháp véc tơ, phương pháp hình học giải tích	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
10	Đại số tuyến tính	- Nắm được các tính chất của định thức và các phương pháp tính định thức. - Có khái niệm về không gian véc tơ, không gian con, cơ sở và số chiều của không gian véc tơ. Biết cách tìm cơ sở và số chiều của không gian véc tơ hữu hạn chiều.	3	3	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
11	Đại số đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được ý tưởng cơ bản về quan điểm các cấu trúc đại số cơ bản tồn tại trong chương trình toán ở THCS như: Nửa nhóm, nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, vành, vành đa thức một ẩn, vành đa thức	2	2	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
12	Hình học cao cấp	Học xong học phần này sinh viên nắm được ý tưởng cơ bản về quan điểm cấu trúc và vận dụng kiến thức của Đại số đại cương và Đại số tuyến tính trong hình học. Thấy được sự mở rộng trong toán học là một trong các phương pháp tạo ra những công thức	2	2	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

13	Lí thuyết số	- Nắm vững các kiến thức cơ bản của lí thuyết chia hết, lí thuyết đồng dư, lí thuyết phương trình đồng dư và một số hàm số học sơ cấp. - Biết vận dụng các kiến thức đã học để tìm hiểu và nắm vững tinh thần sách giáo khoa Toán (phần số học)	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
14	Cơ sở số học	- Nắm vững các kiến thức và phương pháp xây dựng các hệ thống số tự nhiên, số nguyên, số hữu tỉ, số thực và số phức. Hiểu nguyên nhân của sự ra đời và mở rộng các tập hợp số. - Nắm chắc các hình thức biểu diễn số tự nhiên.	2	2	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
15	Đại số sơ cấp	- Củng cố vững chắc những kiến thức về các tập hợp số, đa thức, phân thức đại số, những phương pháp biến đổi đa thức, phân thức đại số như phân tích đa thức thành nhân tử, đưa phân thức về dạng tối giản: nắm vững quan điểm trình bày các	4	4	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2)
16	Hình học sơ cấp	- Nội dung của một số vấn đề Hình học sơ cấp và rèn luyện kĩ năng giải toán hình học. Chính xác hóa khái niệm độ dài, diện tích, thể tích; bổ sung các vấn đề về đường tròn, mặt cầu; phép nghịch đảo; xây dựng lí thuyết quỹ tích, dựng hình.	3	3	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

17	Xác suất thống kê toán	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối và các số đặc trưng, một số kết quả cơ bản về luật số lớn và định lý giới hạn trung tâm và một số vấn đề về thống kê toán học.	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
18	Phương pháp dạy học môn toán	Sinh viên cần hiểu sâu sắc những tri thức cơ bản về giáo dục toán học trong nhà trường, đặc biệt về mục tiêu, nội dung và nguyên tắc dạy học toán ở trường THCS, phục vụ thiết thực cho việc đào tạo nghề dạy học toán ở cấp học này.	3	3	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được qui định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
19	Dạy học nội dung toán trung học cơ sở	- Hoàn thành học phần này, giáo sinh phải biết các dạng hoạt động của thầy và của trò trong một số tiết dạy toán ở trường THCS theo các phương diện sau: - Hoạt động học tập số học và đại số bao gồm kỹ năng tính toán và biến đổi biểu thức	3	3	Điểm học phần = 0,3 x điểm ĐGBP + 0,7 x điểm thi kết thúc học phần. - Trong đó điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) được tính bằng trung bình cộng (được làm tròn đến một chữ số thập phân) của các điểm sau: - Điểm kiểm tra thường xuyên: 1(hệ số 1) - Điểm kiểm tra giữa kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
20	Toán rời rạc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khởi đầu và cơ bản về toán rời rạc nói chung và toán ứng dụng trong tin học nói riêng như: những khái niệm cơ bản về Logic và Đại số quan hệ, đồ thị và ứng dụng, đại số Boolean và mạch tổ hợp.	2	2	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: - Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra trên lớp: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

21	Tin học văn phòng	- Có kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows - Nắm vững đặc điểm và cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng: MS Word, Excel, PowerPoint. - Có hiểu biết cơ bản về Internet, lợi ích và các dịch vụ trên internet.	2	2	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 3 điểm đánh giá thực hành.
22	Lập trình cơ bản	- Biết những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình. - Nắm vững đặc điểm và phương pháp lập trình với ngôn ngữ lập trình Pascal - Lựa chọn để sử dụng các biến thuộc kiểu dữ liệu phù hợp khi lập trình. - Sử dụng một số hàm	2	2	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 3 điểm đánh giá thực hành.
23	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	- Biết một số kỹ thuật giải toán là nền tảng cho các ý tưởng quyết các bài toán. - Hiểu cách thức tổ chức và lưu trữ dữ liệu trong máy tính (cấu trúc dữ liệu) sao cho nó có thể được sử dụng một cách hiệu quả để giải quyết các bài toán.	3	3	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: - Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra trên lớp: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
24	Quản lý hệ thống máy tính	- Kiến thức cơ bản về các thiết bị thành phần của máy tính, lỗi thông thường gặp và cách khắc phục.- Kiến thức về cài đặt hệ điều hành, sao lưu và khôi phục dữ liệu. - Cài đặt hệ điều hành và ứng dụng - Sao lưu và khôi phục	1	1	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 3 điểm đánh giá thực hành.

25	Phương pháp dạy học tin học	- Nắm vững mục tiêu và chương trình tin học bậc THCS và các tri thức về PPDH Tin học. - Tìm hiểu chương trình, SGK, SGV và các sách tham khảo. - Xác định mục tiêu bài học và chuẩn kiến thức cho bài giảng - Chuẩn bị và thiết kế giáo án	2	2	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: - Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra trên lớp: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
26	Hệ quản trị CSDL	- Các thao tác cơ bản của hệ quản trị CSDL, cụ thể là hệ quản trị CSDL Access. - Tạo bảng và các thao tác trên bảng - Tạo truy vấn để tìm kiếm thông tin - Sử dụng ngôn ngữ SQL để tìm kiếm thông tin trong CSDL.	1	1	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 3 điểm đánh giá thực hành.
27	Hệ điều hành và Mạng máy tính	- Kiến thức cơ bản về hệ điều hành, cấu trúc cơ bản của hệ điều hành, hệ thống tập tin. - Một số hệ điều hành phổ biến. - Các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và các thành phần cơ bản của mạng.	2	2	* Điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP) có trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: - Chuyên cần: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra trên lớp: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra giữa kì: 1 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
28	Các bài toán phương trình nghiệm nguyên	Phân loại, hệ thống hóa các dạng toán về phương trình nghiệm nguyên, phân tích lời giải các bài toán về phương trình nghiệm nguyên trong các đề thi vào trường chuyên, lớp chọn, thi học sinh giỏi THCS.	2	2	Điểm học phần gồm hai điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung của các điểm sau: + Điểm kiểm tra giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

29	Hàm phân nguyên	- Nhớ được khái niệm cơ bản: Phần nguyên, phần lẻ của một số thực. Nắm được các cách rút gọn phân số. - Nắm được một số cách chứng minh bài toán về phần nguyên, chứng minh các tính chất của phần nguyên, phần lẻ.	2	2	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
30	Số tự nhiên và phân số	- Công thức cấu tạo số của số tự nhiên. - Các dấu hiệu chia hết ở THCS. - Nhớ được khái niệm cơ bản: Phân số tối giản, phân số nghịch đảo. - Nắm được các cách rút gọn phân số. - Nắm được các phương pháp so sánh phân số: Quy đồng mẫu, quy đồng tử.	2	2	Điểm học phần gồm 2 điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần (hệ số 2). + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
31	Thiết kế web	- Biết phân loại trang web dựa vào công nghệ phát triển. - Biết một số bước chính trong phát triển website - Biết một số vấn đề cần quan tâm khi công bố website trên internet. - Nắm vững một số nguyên tắc quan trọng trong thiết kế web.	2	2	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của các điểm đánh giá thực hành.
32	Một số phần mềm dạy học ở THCS	- Hiểu rõ vai trò và căn cứ đánh giá hiệu quả sử dụng phần mềm dạy học; Biết phân loại và xác định tiêu chí lựa chọn phần mềm dạy học phù hợp với yêu cầu môn học. - Hiểu biết một số phần mềm dạy học thường được sử dụng ở trường THCS.	2	2	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của các điểm đánh giá thực hành.

33	Đồ họa ứng dụng	- Hiểu các công cụ và các tính năng của PhotoShop để xử lý ảnh. - Nắm được các kiến thức về hệ thống màu sắc và mỹ thuật. - Xử lý, chỉnh sửa các hình chụp từ máy hình kỹ thuật số, hình từ máy quét bằng Photoshop.	2	2	Điều kiện đánh giá kết quả học phần: Sinh viên phải tham gia và có điểm đánh giá của tất cả các buổi thực hành. - Điểm đánh giá thực hành: gồm 3 điểm (hệ số 1). Điểm học phần: Trung bình chung của 3 điểm đánh giá thực hành.
34	Bài tập cực trị đại số, hình học, giá trị hàm	- Hiểu, phân loại, hệ thống hóa các dạng toán về giá trị lớn nhất, nhỏ nhất ở bậc THCS đối với đại số và hình học. - Phân tích, tìm lời giải các bài toán cực trị trong các đề thi vào trường chuyên, lớp chọn, thi học sinh giỏi THCS.	3	3	Điểm thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Tự luận, thời gian 90 phút.
35	Cơ sở dữ liệu	- Biết các khái niệm liên quan đến CSDL - Hiểu sự cần thiết phải thiết kế CSDL tốt - Biết một số vấn đề cần đặt ra khi thiết kế CSDL - Kể được một số đối tượng sử dụng và các ứng dụng dùng CSDL. - Nắm vững cơ sở lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu	2	2	* Điểm thi kết thúc học phần: 1 điểm (thi viết, thời gian 90 phút) Điểm học phần = điểm thi kết thúc học phần

5. Các học phần chuyên ngành: SP Ngữ văn

1	Cơ sở văn hóa Việt Nam - Văn học dân gian Việt Nam	Phần Cơ sở văn hóa Việt Nam tạo dựng một cái nhìn tổng quát về tiến trình văn hoá Việt Nam và nêu bật vị trí quan trọng của văn hoá trong cuộc sống hiện tại. Phần Văn học dân gian Việt Nam Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đặc trưng cơ sở văn hóa Việt Nam.	3	1	Điểm TBC của học phần gồm 2 loại điểm * Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: - Điểm chuyên cần (ĐCC): 01 điểm (hệ số 1)- Điểm thảo luận và kiểm tra việc tự học: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
---	--	--	---	---	---

2	Lí luận văn học - Đọc văn	* Phần Lí luận văn học Sinh viên nắm được những tri thức lí luận văn học quan trọng nhất, cơ bản nhất về bản chất, đặc trưng, chức năng và các hình thái biểu hiện cụ thể như tác phẩm, thể loại, phong cách, loại hình...từ đó có được một quan niệm đúng.	4	2	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm KT giữa học phần (ĐTGHP): hệ số 2
3	Dẫn luận về ngôn ngữ và tiếng Việt - Ngữ âm tiếng Việt	- Hiểu biết tổng quan về các đơn vị tạo nên ngôn ngữ nói chung và về hoạt động thực hiện các chức năng cơ bản của ngôn ngữ. Đối với tiếng Việt nói riêng, học phần cung cấp cho sinh viên một số vấn đề đại cương về tiếng Việt, nguồn gốc và sự phát triển ngôn ngữ.	2	1	* Điểm TBC của học phần gồm 2 loại điểm: - Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thu hoạch các nội dung tự học và thảo luận, bài tập của sinh viên: 01
4	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Hiểu và nắm vững định nghĩa về từ, lấy đó làm căn cứ để lí giải về từ tố, về phương thức và kiểu cấu tạo từ tiếng Việt. Nắm vững các kiểu ngữ nghĩa ứng với các kiểu từ xét về cấu tạo (từ đơn, từ ghép, từ láy), lấy đó làm căn cứ để hiểu nghĩa tiếng Việt.	2	3	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thu hoạch các nội dung tự học của sinh viên: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
5	Ngữ pháp tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ pháp tiếng Việt: Khái quát về ngữ pháp học, từ loại, cụm từ tiếng Việt, bình diện ngữ pháp của câu tiếng Việt, ngữ pháp văn bản trong tiếng Việt để từ đó sinh viên có năng lực thực hiện đúng ngữ pháp.	2	4	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thu hoạch các nội dung tự học của sinh viên: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
6	Làm văn	Trang bị cho sinh viên một hệ thống tri thức cơ bản về điều kiện, quy trình và phương pháp làm các loại văn bản thông dụng trong nhà trường và trong đời sống nhằm tạo tiềm năng cho giáo sinh dạy tốt môn Tập làm văn ở THCS.	2	4	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2) + Điểm kiểm tra thường xuyên (ĐKTTX): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

7	Ngữ dụng học - Phong cách học Tiếng Việt	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về vai trò của phong cách với các bộ phận hợp thành của tiếng Việt với văn bản; hiểu biết về vai trò của phong cách học với các phân ngành khác của Việt ngữ học đồng đại. Hiểu biết về các phong cách tiếng Việt.	2	5	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần: 01 điểm (hệ số 2)
8	Văn học trung đại Việt Nam	Sinh viên nắm được: - Một số thuật ngữ, khái niệm, phạm trù cơ bản nhất về văn học trung đại Việt Nam. - Phân kì văn học, đặc điểm và thành tựu chủ yếu của mỗi giai đoạn phát triển văn học trong tiến trình chung. - Tác gia và tác phẩm.	3	3	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: - Điểm chuyên cần (ĐCC): 01 điểm (hệ số 1) - Bài thảo luận và kiểm tra việc tự học: 01 điểm (hệ số 1) - Điểm kiểm tra giữa học phần (ĐKTGHP): 01 điểm (hệ số 2)
9	Văn học Việt Nam hiện đại 1	Sinh viên nắm được.- Những kiến thức cơ bản về đặc điểm LS-XH, tình hình văn học VN, các khuynh hướng, cảm hứng lớn của văn học Việt từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8/1945. Các kiến thức về tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại.	2	4	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1)+ Điểm thảo luận (hoặc bản thu hoạch) (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần (ĐTGHP): 01 điểm (hệ số 2)
10	Văn học Việt Nam hiện đại 2	Sinh viên nắm được. - Những kiến thức cơ bản về đặc điểm LS-XH, tình hình văn học VN (thơ, truyện kí, văn học thiếu nhi, văn học sau 1975), các khuynh hướng, cảm hứng lớn của văn học Việt từ 1945 đến nay. - Các kiến thức về tác giả, tác phẩm.	3	5	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần (ĐTGHP): hệ số 2
11	Văn học thế giới	Sinh viên nắm được. - Những thành tựu và đặc điểm của một số nền văn hoá, văn học thế giới từ cổ đại đến thế kỉ XX đã có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển văn hoá thế giới hoặc có những mối liên hệ gần gũi với văn học dân tộc.	4	5	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần (ĐTGHP): hệ số 2

12	Phương pháp dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở 1	Giúp sinh viên nắm được những tri thức có tính hệ thống về lí luận dạy học bộ môn Ngữ văn ở trường THCS; mục tiêu giáo dục và đào tạo; những điểm mới của chương trình và sách giáo khoa; quan niệm về đọc - hiểu; phương hướng vận dụng nguyên tắc trong dạy học	3	3	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: - Điểm chuyên cần (ĐCC): 01 điểm (hệ số 1) - Điểm kiểm tra thường xuyên (ĐKTTX): 01 điểm (hệ số 1) - Điểm thảo luận/ thực hành và kiểm tra việc tự học: 01 điểm
13	Phương pháp dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở 2	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, hệ thống về lí luận dạy học phân môn Tập làm văn và Tiếng Việt ở trường THCS; các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt, Tập làm văn; từ đó có những đề xuất nhằm nâng cao chất lượng DH.	3	4	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: - Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1)- Điểm kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (hệ số 1)- Điểm thực hành và kiểm tra việc tự học: 01 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
14	Văn học Bắc Ninh	Cung cấp cho sinh viên: - Những nét khái quát về lịch sử, văn hiến Bắc Ninh. - Phân kì văn học, đặc điểm và thành tựu chủ yếu ở mỗi giai đoạn phát triển của văn học Bắc Ninh. - Các tác giả và tác phẩm tiêu biểu ở mỗi giai đoạn phát triển	2*	6	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: - Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) - Điểm thảo luận, thực hành và kiểm tra việc tự học: 01 điểm (hệ số 1) - Điểm kiểm tra thường xuyên: 01 điểm (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
15	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo Ngữ văn ở trường trung học cơ sở	- SV nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST), mục đích, yêu cầu và vai trò của HĐTNST trong dạy – học Ngữ văn ở trường THCS. - Hiểu được nội dung, chương trình và các hình thức HĐTNST Ngữ văn.	2*	6	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm bài tập thực hành nhóm và bài tập cá nhân (ĐTL&KTTH): 02 điểm (hệ số 1) + Điểm KT giữa học phần (ĐTGHP): 01 điểm + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

16	Văn học nước ngoài ở trường THCS	Sinh viên hiểu được: - Vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm nội dung chương trình, sách giáo khoa phần văn học nước ngoài ở trường THCS. - Một số vấn đề chung của nguyên tắc và phương pháp dạy học tác phẩm văn học nước ngoài ở trường THCS.	2*	6	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận. (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi giữa học phần (ĐTGHP): hệ số 2
17	Giáo dục Dân số - Môi trường và Giảng dạy địa lí địa phương	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số, tài nguyên, môi trường và những vấn đề đang đặt ra và cần được giải quyết. - Nắm được các phương pháp giáo dục dân số và giáo dục môi trường thông qua bài học địa lí.	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 2 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần (70%)
18	Thi pháp học hiện đại	Trang bị kiến thức lí thuyết về thi pháp học hiện đại (những vấn đề chung và một số kiểu thi pháp tác phẩm cụ thể: nhân vật, không gian, thời gian, chi tiết, kết cấu, cốt truyện, lời văn nghệ thuật) và văn hóa cảm nhận để người học mở rộng hiểu biết.	3	6	* Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
19	Địa lí tự nhiên đại cương	- Một số hiểu biết về khoa học địa lí, về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tự nhiên. - Những kiến thức cơ bản về Trái Đất (cấu tạo, hình dáng, kích thước, sự vận động), mối quan hệ giữa Mặt trời - Trái Đất	3	1	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 3 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
20	Địa chất - Bản đồ học	- Mô tả và phân biệt những loại đá chính thường gặp trong tự nhiên. - Nắm được những qui luật phát sinh, phát triển, phân bố các quá trình địa chất hiện đại. - Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về bản đồ địa lí, những điểm đặc trưng của địa chất	2	2	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 2 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần (70%)

21	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	- Nắm vững được những khái niệm cơ bản, các quan điểm, qui luật địa lí và bức tranh chung về môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên.- Nắm vững địa lí dân cư và quần cư, địa lí sản xuất và phân bố các ngành kinh tế chủ yếu trên thế giới.	2	2	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần)- Điểm đánh giá bộ phận (30%): 3 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
22	Lí luận dạy học địa lí	Học xong học phần này sinh viên hiểu biết được những kiến thức cơ bản và các kĩ năng sư phạm cần thiết về phương pháp dạy học bộ môn Địa lí ở trường THCS. Vận dụng được kiến thức và kĩ năng sư phạm vào việc dạy học địa lí ở THCS.	2	4	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 2 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần (70%)
23	Địa lí các châu	- Nắm được một số vấn đề địa lí cơ bản nhất mà thế giới đang quan tâm. - Nắm được những kiến thức về địa lí tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội của các châu lục. Kĩ năng: *Các kĩ năng bộ môn: - Đọc và nhận xét được nội dung bản đồ	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 3 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
24	Địa lí Việt Nam	- Nắm được các đặc điểm về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên chung của toàn lãnh thổ và sự phân chia các khu vực tự nhiên của đất nước. - Phân tích các nguồn lực để phát triển và phân bố theo các ngành. - Phân tích những phân hóa theo vùng khí hậu	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 3 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm kiểm tra thường xuyên: 2 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
25	Biển đảo Việt Nam	- Hiểu được những đặc điểm cơ bản về biển và đảo của nước ta. - Hiểu được khái niệm về những vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta. - Có những hiểu biết nhất định về luật biển quốc tế và những vấn đề còn tồn tại.	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận (30%): 2 điểm Điểm chuyên cần: 1 (hệ số 1) Điểm thi giữa học phần: 1 (hệ số 2) - Điểm thi kết thúc học phần (70%)

26	Địa lí các khu vực Việt Nam	- Nắm được các đặc điểm về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên chung của các khu vực tự nhiên đất nước. - Những phân hóa theo vùng kinh tế về các mặt tài nguyên thiên nhiên, dân cư, dân tộc, những đặc điểm kinh tế-xã hội.	2	6	- 1 Điểm thi kết thúc học phần (100%): Hình thức thi: Tự luận, thời gian 60 phút.
27	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Kiến thức - Tiến trình phát triển chung của lịch sử xã hội loài người từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp và nhà nước thời cổ đại và thời phong kiến - Những đặc trưng cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội của ba hình thái kinh tế - xã hội.	2	1	Điểm học phần gồm: - Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm thi giữ kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
28	Lịch sử thế giới cận đại	- Các cuộc CMTS và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. - Sự phát triển của CNTB và chuyển sang giai đoạn ĐQCN (tiêu biểu là các nước Anh, Pháp, Mỹ, Đức). - Phong trào công nhân và chủ nghĩa Mác. - Về tình hình các nước Á, Phi, Mỹ la tinh	2	4	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học phần: hệ số 2
29	Lịch sử thế giới hiện đại	- Một số vấn đề cơ bản của Cách mạng tháng Mười Nga, công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô, Đông Âu và sự phát triển của hệ thống CNXH thế giới. - Hiểu được một cách khái quát những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô, Đông Âu ...	2	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì: hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
30	Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến 1858	Giúp cho sinh viên nắm được: - Những kiến thức khái quát về quá trình hình thành các quốc gia đầu tiên trên đất nước Việt Nam. Một số kiến thức cơ bản về văn minh sông Hồng và các cuộc đấu tranh lâu dài giành độc lập của nhân dân ta.	3	2	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1)

					+ Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
31	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945	Giúp sinh viên nắm được: - Những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến hai thập niên đầu thế kỷ XX. Có nhận thức đúng bản chất những sự kiện, hiện tượng lịch sử của thời kì này. - Những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam	2	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
32	Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay	- Tình hình cách mạng nước ta sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 và chủ trương, biện pháp của Đảng, Chính phủ (1945 - 1946). Nguyên nhân bùng nổ kháng chiến toàn quốc chống Pháp và đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng 19/ 12/ 1946.	2	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
33	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	- Những hiểu biết đúng đắn về qui luật nhận thức lịch sử của học sinh, từ đó xác định các biện pháp sư phạm tác động vào qui luật đó. - Hiểu được các cơ sở phân loại PPDH lịch sử. - Nắm vững và vận dụng được các nhóm phương pháp và các hình thức dạy học Lịch sử	2	3	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
34	Bài tập lịch sử ở trường trung học cơ sở	- Vai trò, ý nghĩa của bài tập lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường THCS. - Nguyên tắc và Quy trình xây dựng bài tập lịch sử trong các khóa trình lịch sử ở trường THCS. - Các biện pháp sử dụng hiệu quả bài tập lịch sử trong dạy học lịch sử	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

35	Lịch sử Đông Nam Á	- Khái quát một số nét cơ bản về Đông Nam Á (điều kiện hình thành, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á) - Hiểu mối quan hệ mật thiết giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử khu vực Đông Nam Á, cách mạng VN là một bộ phận khăng khít của Đông Nam Á	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
36	Lịch sử Bắc Ninh	- Nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về: Vùng đất, con người và truyền thống của Bắc ninh; Những đóng góp của nhân dân Bắc Ninh vào nền văn hoá dân tộc; Bắc Ninh trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp trước và sau khi Đảng Cộng sản ra đời	2*	6	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. (để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần) - Điểm đánh giá bộ phận khác (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình trung của các điểm sau: + Điểm chuyên cần (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
37	Lịch sử Việt Nam chuyên sâu (giai đoạn từ 1919 đến 1954)	Sinh viên nắm sâu hơn những kiến thức về lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1954 theo các chuyên đề cụ thể: về các chuyên đề như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cõch mạng giải phóng dân tộc thuộc địa; Quá trính thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6	- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 100% + Hình thức thi: Viết + Thời gian: 60 phút

6. Các học phần chuyên ngành: SP Tiếng Anh

1	Tiếng Việt thực hành	Sinh viên nắm được - Những kiến thức căn bản về văn bản, bố cục, đề cương của văn bản; - Những kiến thức về đoạn văn, cách lập luận trong đoạn văn, cách viết đoạn văn theo các kiểu kết cấu. - Các kiến thức căn bản về câu và từ, cách viết	2	1	- Các điểm đánh giá bộ phận (ĐGBP): trọng số 30%, được tính bằng trung bình chung các điểm sau: + Điểm chuyên cần: 01 điểm (hệ số 1) + Điểm bài tập nhóm và bài tập cá nhân (ĐTL&KTTH): 01 điểm (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
---	----------------------	---	---	---	---

2	Đọc - Viết 1	Trang bị và hình thành từng bước cho sinh viên những kĩ năng đọc viết cơ bản, hiện đại và mang tính hệ thống với các chủ đề về con người, cảnh vật, nhân vật trong phim truyện, thời tiết, môi trường... Rèn kĩ năng đọc đúng ngữ pháp	3	4	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
3	Đọc - Viết 2	Môn học giúp người học phát triển kĩ năng đọc các bài khóa dài hơn với độ phức tạp và yêu cầu về khả năng hiểu cao hơn ở cấp độ 2 (trình độ intermediate) về các chủ đề khó hơn như: khoa học công nghệ, văn học, báo chí, thị trường	3	5	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
4	Đọc - Viết 3	Môn học giúp người học khả năng điều chỉnh được phương pháp và tốc độ đọc tùy thuộc vào các loại văn bản khác nhau và tùy theo mục đích đọc hiểu cụ thể; biết sử dụng nguồn tài liệu một cách có chọn lọc, tiếp tục nâng cao từng	2	6	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau:- 1 điểm chuyên cần - hệ số 1- 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
5	Nghe - Nói 1	Củng cố và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếng Anh thực hành hiện đại ở trình độ trung cấp trở lên, rèn, luyện và phát triển 4 kĩ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng đến hai kĩ năng chính là nghe nói.	3	4	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. - Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

6	Nghe - Nói 2	Củng cố và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếng Anh thực hành hiện đại mà các em đã đạt được sau khi kết thúc học phần nghe nói 1, rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	3	5	- Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10 (để đủ điều kiện thi kết thúc học phần) Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính + Điểm bài thi giữa học kỳ hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
7	Nghe - Nói 3	Củng cố và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiếng Anh thực hành hiện đại mà các em đã đạt được sau khi kết thúc học phần nghe nói 1 và 2, rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	2	6	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kỳ hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
8	Ngữ âm	Nắm được những đặc điểm cơ bản của ngữ âm, âm vị học tiếng Anh. Nắm được hệ thống âm vị (phụ âm, nguyên âm) và các đặc điểm của chúng. Nắm được các yếu tố siêu đoạn tính trong chuỗi lời nói như trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu và chức năng của ngữ âm.	2	5	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau:- 1 điểm chuyên cần - hệ số 1- 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kỳ hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
9	Ngữ pháp Tiếng Anh thông dụng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về ngữ pháp thực hành tiếng Anh hiện đại. Hình thành và phát triển các kỹ năng tổng hợp, phân tích, đối chiếu, so sánh, quy nạp, diễn giải các hiện tượng, cấu trúc ngữ pháp thông dụng.	3	4	- Các điểm đánh giá bộ phận (trọng số 30%) được tính bằng trung bình chung các điểm: + Điểm chuyên cần: đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (hệ số 1) + Điểm bài kiểm tra giữa học phần (hệ số 2) + Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1) + Điểm bài thi giữa học kỳ hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

10	Tiếng Anh Trung cấp 1	- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh để tham gia vào các hoạt động giao tiếp xã hội thông thường, trong các ngữ cảnh thông thường như: nhà trường, gia đình, các địa điểm công cộng như: nhà ga, bãi đỗ xe, khách sạn, bệnh viện, sân bay.	8	1	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
11	Tiếng Anh Trung cấp 2	- Từ vốn kiến thức nền tảng mà người học đã có và nối tiếp chương trình tiếng Anh trung cấp 1, chương trình tiếng Anh trung cấp 2 sẽ nâng cao sự hiểu biết cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ đích cho các em trên nhiều lĩnh vực có tính thực tế.	8	2	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 2 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
12	Tiếng Anh Trung cấp 3	Nắm được một cách hệ thống và tương đối chuẩn về kiến thức ngôn ngữ Anh ở trình độ trung cấp 3. củng cố và nâng cao cấu trúc ngữ pháp: các thời, thì hiện tại, quá khứ, tương lai, hiện tại hoàn thành, tiếp diễn, so sánh đối chiếu các thời.	7	3	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau:- 1 điểm chuyên cần - hệ số 1- 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
13	Từ vựng - Ngữ nghĩa	Trong học phần này, sinh viên cần phải nắm được cấu trúc của từ, các loại từ (từ đơn, từ ghép, từ phức), những phương pháp cấu tạo từ cơ bản, đặc biệt là những phương pháp cấu tạo từ phổ biến như: tiếp tố, ghép từ, rút gọn từ, từ tượng thanh.	2	5	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%

14	PP giảng dạy Tiếng Anh 1	Học phần Phương pháp dạy Tiếng Anh 1 trang bị cho người học những kiến thức lí luận cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh; các quan điểm về tương tác trong dạy học ngôn ngữ thứ hai; các yếu tố ảnh hưởng đến học ngôn ngữ thứ hai.	3	3	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
15	PP giảng dạy Tiếng Anh 2	Tiếp nối học phần Phương pháp dạy Tiếng Anh 1, học phần này cung cấp cho người học những kĩ thuật giảng dạy tiếng Anh theo phương pháp hiện đại về cách sử dụng các công cụ hỗ trợ dạy học (bảng, trình chiếu, tranh ảnh...), nâng cao nhận thức của sinh viên.	3	5	- Để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần: Điểm đánh giá bộ phận phải đạt > 3 theo thang điểm 10. 1. Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30%, được tính bằng TBT của các điểm sau: - 1 điểm chuyên cần - hệ số 1 - 1 điểm kiểm tra thường xuyên – hệ số 1 + Điểm bài thi giữa học kì hệ số 2 + Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
20	Kĩ năng ngôn ngữ nâng cao	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, làm giàu vốn từ vựng cho người học và cải thiện khả năng sử dụng ngữ điệu, trọng âm và làm tăng vốn hiểu biết cho sinh viên về kiến thức văn hóa, xã hội.	3	6	- Không có điểm đánh giá bộ phận. - Thi kết thúc HP (thay thế khóa luận tốt nghiệp) + Hình thức thi: Viết + Nói + Thời gian làm bài thi: 01 bài thi viết 90 phút + thi nói (10 phút 1 thí sinh)
21	Kiến thức ngôn ngữ nâng cao	- Ngữ pháp: giúp người học nắm được những kiến thức nâng cao về ngữ pháp tiếng Anh đặc biệt là câu đơn, câu phức và câu ghép, các dạng đặc biệt của câu điều kiện, các dạng đảo ngữ... - Từ vựng: giúp người mở rộng vốn từ vựng về nhiều chủ đề phát triển.	2	6	- Không có điểm đánh giá bộ phận. - 01 bài thi kết thúc HP (thay thế khóa luận tốt nghiệp): Hình thức thi: viết, thời gian làm bài thi: 60 phút
III. Các học phần TTSP (dùng chung cho các ngành)					

22	TTSP 1	Củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành ở năm thứ 1 và để chuẩn bị tốt cho đợt thực tập ở năm thứ 3. Giúp sinh viên sư phạm đi sâu tìm hiểu thực tế giáo dục, tiếp xúc với trẻ và giáo viên trường Tiểu học, THCS, Mầm non, qua đó hình thành kỹ năng SP.	2	4	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.
23	TTSP 2	Giúp sinh viên sư phạm nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó phân đấu trở thành giáo viên giỏi.	4	6	Toàn bộ nội dung các đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung.

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn:

1. Thống kê các giáo trình, tài liệu đã biên soạn trong năm 2021-2022

1.1. Các giáo trình, tài liệu nhà trường nghiệm thu năm học 2021-2022

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm nghiệm thu	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo dục hòa nhập và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non. Tác giả: Chủ biên: TS.Đào Lan Hương Thành viên: Ths. Nguyễn Thị Thu Hà; Ths. Hà Duy Tá; Th. Vương Thị Thanh Thủy; Ths. Vương Thị Thùy.	2022	Hội đồng Khoa học Trường nghiệm thu, thông báo kết quả và ra QĐ công nhận TKHT theo Quyết định số 171/QĐ-CĐSP ngày 27/5/2022.
2	Tài liệu hỗ trợ học phần Tiếng Anh Mầm non 1 (Dùng cho SV CĐSP Mầm non – Trường CĐSP Bắc Ninh). Tác giả: ThS. Nguyễn Thị Phương Mai	2022	
3	Tài liệu hỗ trợ học phần Tiếng Anh Mầm non 2 (Dùng cho SV CĐSP Mầm non – Trường CĐSP Bắc Ninh). Tác giả: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	2022	
4	Tài liệu: Trang trí trường, lớp mầm non. Tác giả: ThS. Vũ Thị Loan	2022	
5	Tài liệu ôn thi tốt nghiệp các môn Lí luận chính trị. Tác giả: TS. Nguyễn Hữu Niên	2022	

6	Quản lý hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục - Đào tạo. Tác giả: ThS.Hoàng Minh Loan	2022	
---	---	------	--

1.2. Các giáo trình, tài liệu đã công bố, xuất bản trong năm học 2021-2022

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
	Không	Không	Không	Không	

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
	Không	Không	Không	Không

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

Các đề tài NCKH cấp cơ sở năm học 2021 – 2022 đã được Hội đồng Khoa học trường nghiệm thu theo Quyết định số 171/QĐ-CĐSP ngày 27/5/2022:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế hoạt động dạy học một số bài Lịch sử trong môn Lịch sử - Địa lí lớp 6 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.	ThS. Phan Thị Hiền				Ứng dụng trong dạy học Lịch sử lớp 6.
2	Thiết kế hoạt động dạy học một số bài Lịch sử thuộc	TS.Lưu Thị Ngọc Tuyết				Ứng dụng trong giảng dạy môn Lịch sử - Địa lí

	chương V trong môn học Lịch sử - Địa lí Lớp 6 theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.					lớp 6 THCS (theo CT GDPT mới).
3	Hướng dẫn giảng dạy một số bài học về truyền thống, văn hóa trong Tài liệu <i>Giáo dục địa phương lớp 6 tỉnh Bắc Ninh</i> .	- ThS. Nguyễn Thị Huế (chủ nhiệm đề tài) - ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung				Ứng dụng trong giảng dạy môn Giáo dục địa phương lớp 6 ở trường THCS.
4	Tích hợp tư liệu bài giảng trong dạy học học phần <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Nguyệt				Ứng dụng trong dạy học HP “ <i>Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với văn học</i> ” cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
5	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “ <i>Văn học thiếu nhi</i> ” trong dạy học học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh.	TS. Nguyễn Thị Thắng				Ứng dụng trong dạy học HP “ <i>Văn học</i> ” cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
6	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt” và “Hình thành phát triển vốn từ cho trẻ” trong dạy học học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Ngô Thị Lanh				Ứng dụng trong dạy học HP “ <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> ” cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
7	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “Chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường Tiểu học” trong dạy học học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Thiêm				Ứng dụng trong dạy nội dung “Chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường Tiểu học” cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
8	Tích hợp tư liệu bài giảng nội	ThS. Vương Hồng				Ứng dụng trong dạy nội

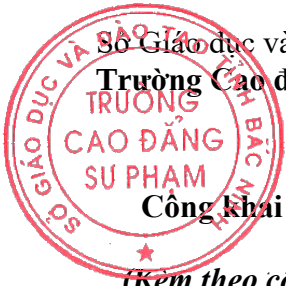
	dung “ Văn học dân gian Việt Nam” trong dạy học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	Nhung				dung “Văn học dân gian Việt Nam” trong HP <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
9	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “Ngữ âm tiếng Việt” và “Từ vựng tiếng Việt” trong dạy học học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Phùng Thị Hiền				Ứng dụng trong dạy nội dung “Ngữ âm tiếng Việt” và “Từ vựng tiếng Việt” trong HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
10	Xây dựng nguồn học liệu cho dạy học trực tuyến học phần <i>Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh</i> .	ThS. Trần Thị Hồng Minh				Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh</i> .cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
11	Thiết kế bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin nội dung học phần “Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non”.	ThS. Trịnh Thị Ngà				Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
12	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập, hướng dẫn tự học học phần <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Du				Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
13	Hướng dẫn sinh viên ngành GDMN trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế bài tập phát triển chung và thể dục sáng sử dụng âm nhạc hiện đại.	ThS. Vũ Thị Ánh Ngọc				Ứng dụng trong dạy - học cho SV ngành GDMN và làm tài liệu tham khảo cho GV các trường mầm non.
14	Hướng dẫn sinh viên ngành	ThS. Bùi Thu				Ứng dụng trong dạy -

	GDMN thiết kế trò chơi học tập để giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.	Thủy				học cho SV ngành GDMN và làm tài liệu tham khảo cho GV các trường mầm non.
15	Một số biện pháp giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	ThS. Lại Thị Hằng (chủ nhiệm đề tài) ThS. Đỗ Thị Loan				Ứng dụng trong giáo dục văn hóa ứng xử cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.
16	Thiết kế bài giảng điện tử môn Tiếng Anh cho trẻ mầm non 4-5 tuổi tại Cơ sở Mầm non Hoa Phượng- Trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Thu Viện				Làm tài liệu tham khảo cho GV MN và SV ngành Giáo dục MN.
17	Thiết kế bài giảng điện tử môn Tiếng Anh cho trẻ mầm non 3-4 tuổi tại Cơ sở Mầm non Hoa Phượng- Trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân				Làm tài liệu tham khảo cho GV MN và SV ngành Giáo dục MN.
18	Thiết kế bài giảng điện tử môn Tiếng Anh cho trẻ mầm non 5-6 tuổi tại Cơ sở Mầm non Hoa Phượng.- Trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Văn Thuật				Làm tài liệu tham khảo cho GV MN và SV ngành Giáo dục MN.
19	Một số biện pháp nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong dạy học học phần <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.</i>	ThS. Nguyễn Bích Quyên				Ứng dụng trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong tại Trường CDSP Bắc Ninh.
20	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non.	ThS. Nguyễn Thị Thúy Vân				Ứng dụng trong việc rèn luyện kĩ năng cho sinh viên.
21	Rèn kĩ năng chứng minh quy nạp toán học cho sinh viên ngành Toán THCS của trường CDSP Bắc Ninh.	ThS.Ngô Sách Đăng				Ứng dụng trong rèn kĩ năng chứng minh quy nạp toán học cho sinh viên ngành Toán THCS của trường CDSP Bắc Ninh.

22	Xây dựng một số nội dung dạy học ở Mô-đun “Lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu”, môn Công nghệ 9 (chương trình giáo dục phổ thông 2018) theo phương pháp dạy học dự án.	ThS.Trần Thị Hương Mai				Ứng dụng trong dạy học ở Mô-đun “Lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu”, môn Công nghệ 9 (chương trình giáo dục phổ thông 2018)
23	Hướng dẫn sinh viên ngành GDMN tự học nội dung “Hiểu biết cơ bản về CNTT và kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản”, học phần CNTT và UDCNTT trong dạy học ở trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Hương Giang				Ứng dụng trong dạy - học nội dung “Hiểu biết cơ bản về CNTT và kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản, Xử lý văn bản cơ bản”, học phần <i>CNTT và UDCNTT trong dạy học</i> .
24	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tự học nội dung “Ứng dụng CNTT và truyền thông trong giáo dục Mầm non” thuộc học phần CNTT và ứng dụng CNTT trong dạy học.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm				Ứng dụng trong dạy - học nội dung “Ứng dụng CNTT và truyền thông trong giáo dục Mầm non”, học phần <i>CNTT và UDCNTT trong dạy học</i> .
25	Thiết kế một số bài tập phát triển kiến thức phần Điện học -Vật lí 9.	ThS.Lê Thị Thuỳ Linh				Ứng dụng trong dạy học phần Điện học, môn Vật lí 9 (CT Giáo dục phổ thông mới).
26	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tự học nội dung “Sử dụng phần mềm bảng tính cơ bản”, “Sử dụng phần mềm trình chiếu cơ bản” thuộc học phần CNTT và ứng dụng CNTT trong dạy học.	ThS. Đàm Công Thắng				Ứng dụng trong dạy - học nội dung “Sử dụng phần mềm bảng tính cơ bản”, “Sử dụng phần mềm trình chiếu cơ bản”, học phần <i>CNTT và UDCNTT trong dạy học</i> .
27	Thiết kế hoạt động dạy học trong học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non</i> theo hướng phát triển năng lực tự học cho sinh viên.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng				Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non</i> .

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	KĐCL cơ sở giáo dục	- ĐGN theo Quyết định số 68/QĐ-KĐCLGD ngày 02/11/2019 của Giám đốc TT KĐCLGD – Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam. - Được cấp Giấy chứng nhận KĐCL cơ sở giáo dục ngày 06/3/2020.	85,45% tiêu chí đạt.	Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020	Đạt chuẩn chất lượng KĐCL cơ sở giáo dục.	06/3/2020	06/3/2025
2	KĐCL chương trình đào tạo	Trường chưa đánh giá ngoài, đang TĐG CTĐT năm học 2021-2022					

Biểu mẫu 19

Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022 – 2023
(Kèm theo công văn số: 590 ngày 22/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CDSP Bắc Ninh)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	38 500	x	0	0
a	Trụ sở chính	38 500	x	0	0
b	Phân hiệu tại...	0	0	0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0	0	0	0
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	16 689	x	0	0
a	Trụ sở chính	16 689	x	0	0
b	Phân hiệu tại...	0	0	0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0	0	0	0

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	03	Thực hành thí nghiệm	Sinh viên	185	x	0	0
2	Phòng thực hành...	09	Thực hành thí nghiệm	Sinh viên	400	x	0	0
3	Xưởng thực tập...	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhà tập đa năng	01	Hoạt động TT	CBGV, SV	680	x	0	0
5	Hội trường A	01	Hoạt động TT	CBGV, SV	300	x	0	0
6	Phòng học.văn hoá đa phương	32	Giảng dạy,	GV,SV	4 524	x	0	0

	tiện		học tập					
7	Phòng học Môn chung	02	Giảng dạy, học tập	GV,SV	800	x	0	0
8	Phòng Máy tính	03	Giảng dạy, học tập	GV,SV	425	x	0	0
9	Phòng học Ngoại ngữ	02	Giảng dạy, học tập	GV,SV	130	x	0	0
10	Thư viện...	01	Phục vụ Đào tạo	GV,SV	900	x	0	0
11	Các phòng chức năng khác	40	Điều hành	GV,SV	2 880	x	0	0
12	Ký túc xá sinh viên	02	Phục vụ sinh viên		5 850	x	0	0

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	01
2	Số chỗ ngồi đọc	90
3	Số máy tính của thư viện	40
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	5 420 đầu sách tạp chí
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	77,0 m ²
2	Diện tích sàn/sinh viên	33,6 m ²



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

Biểu mẫu 20

THÔNG BÁO

★ **Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022 – 2023**
(Kèm theo công văn số: 590 ngày 22/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	85	0	0	7	73	5			53	32	0
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	85										
a	Khối ngành I	85	0	0	7	73	5			53	32	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành I					
1	Nguyễn Hữu Tuyển	06/3/1968	Nam	GVC	TS	Toán
2	Nguyễn Thị Thương	18/11/1973	Nữ	GVC	ThS	QLGD
3	Nguyễn Thanh Chuân	17/06/1970	Nam	GVC	ThS	T.Nga
4	Nguyễn Thị Thuý Hà	14/08/1974	Nữ	GVC	TS	Hoá
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/09/1979	Nữ	GVC	ThS	Văn
6	Trần Thị Hương Mai	27/03/1978	Nữ	GVC	ThS	KTCN
7	Nguyễn Hữu Tuấn	02/02/1992	Nam	GV	ThS	QLGD
8	Vương Thị Luận	27/08/1975	Nữ	GVC	ThS	TLGD

9	Ngô Duy Nam	27/05/1977	Nam	GVC	ThS	Tin
10	Phan Thị Ngân	02/08/1985	Nữ	GV	ThS	TLGD
11	Đặng Thị Thanh Mai	07/08/1973	Nữ	GVC	TS	Sinh
12	Lưu Thị Ngọc Tuyết	18/09/1981	Nữ	GVC	TS	Sử
13	Đỗ Thị Loan	10/12/1976	Nữ	GVC	ThS	Sinh
14	Nguyễn Thị Dung	16/03/1987	Nữ	GV	ThS	KTCN
15	Hà Thị Ngân	02/02/1969	Nữ	GV	ThS	Hoá
16	Lại Thị Hằng	16/12/1987	Nữ	GV	ThS	TLGD
17	Nguyễn Quốc Tuấn	26/10/1976	Nam	GVC	ThS	Mĩ thuật
18	Vũ Thị Việt Thái	05/12/1980	Nữ	GV	ThS	Thẻ dục
19	Nguyễn Thị Nhung	25/01/1975	Nữ	GV	ThS	GDMN
20	Nguyễn Thị Lập	28/05/1974	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
21	Hoàng Thị Thu Hà	25/01/1977	Nữ	GV	ThS	Sinh
22	Nguyễn Thị Thắng	07/07/1982	Nữ	GVC	TS	Văn
23	Vương Hồng Nhung	29/09/1987	Nữ	GVC	ThS	Văn
24	Nguyễn Thị Thiêm	24/10/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
25	Trần Thuý Hằng	29/12/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
26	Phùng Thị Hiền	08/10/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
27	Ngô Thị Lanh	22/10/1987	Nữ	GV	ThS	Văn
28	Nguyễn Thị Nguyệt	18/08/1981	Nữ	GVC	ThS	Văn
29	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	26/04/1988	Nữ	GV	ThS	Toán
30	Nguyễn Thị Thuý Vân	13/08/1988	Nữ	GV	ThS	Toán
31	Trần Quốc Việt	10/05/1985	Nam	GV	ThS	Toán
32	Trần Thị Hồng Minh	13/08/1976	Nữ	GVC	ThS	GDMN
33	Trịnh Thị Ngà	15/09/1979	Nữ	GVC	ThS	GDMN
34	Nguyễn Thị Dư	11/04/1976	Nữ	GVC	ThS	GDMN
35	Lưu Thị Thanh Hương	13/04/1987	Nữ	GV	ThS	GDMN
36	Bùi Thị Thu Thuý	17/10/1991	Nữ	GV	ThS	GDMN
37	Vũ Thị Ánh Ngọc	10/10/1985	Nữ	GV	ThS	GDMN
38	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/11/1986	Nữ	GV	ThS	Sinh
39	Phan Thị Hiền	12/11/1977	Nữ	GVC	ThS	Sử

40	Nguyễn Bích Quyên	13/04/1986	Nữ	GV	ThS	Sinh
41	Dương Đình Thắng	03/10/1965	Nam	GVC	ThS	Sử
42	Ngô Sách Đăng	08/12/1983	Nam	GVC	ThS	Toán
43	Nguyễn Thị Huế	10/03/1981	Nữ	GV	ThS	Văn
44	Lê Thị Thuỳ Linh	18/06/1986	Nữ	GVC	ThS	Vật lý
45	Nguyễn Thị Hương Dung	25/08/1972	Nữ	GV	ThS	Hoá
46	Trần Quang Bắc	07/05/1967	Nam	GVC	ThS	Địa
47	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30/01/1985	Nữ	GV	ThS	Tin
48	Nguyễn Hương Giang	21/09/1980	Nữ	GV	ThS	Tin
49	Đàm Công Thắng	07/01/1984	Nam	GV	ThS	Tin
50	Đặng Cao Sơn	10/08/1967	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
51	Nguyễn Văn Sinh	14/05/1968	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
52	Dương Tổ Nga	29/06/1969	Nữ	GV	ĐH	Âm nhạc
53	Nguyễn Văn Thụy	26/11/1976	Nữ	GV	ĐH	Âm nhạc
54	Trần Hùng Viện	22/05/1984	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
55	Vũ Thị Loan	14/05/1970	Nữ	GV	ThS	Mĩ thuật
56	Nguyễn Thị Phúc Oanh	02/06/1971	Nữ	GV	ThS	Mĩ thuật
57	Trương Thị Hồng My	05/06/1979	Nữ	GVC	ThS	Mĩ thuật
58	Ngô Khánh Quân	05/07/1967	Nam	GV	ĐH	Mĩ thuật
59	Dương Biên Hoà	06/12/1964	Nam	GVC	ThS	Thể dục
60	Nguyễn Như Trung	22/08/1974	Nam	GV	ThS	Thể dục
61	Nguyễn Thế Cường	28/11/1987	Nam	GV	ĐH	Thể dục
62	Ngô Vũ Sơn	09/01/1967	Nam	GV	ThS	QPAN
63	Nguyễn Đức Tài	26/06/1987	Nam	GV	ĐH	QPAN
64	Nguyễn Thị Thu Viện	23/06/1972	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
65	Nguyễn Thị Phương Mai	21/09/1974	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
66	Nguyễn Văn Thuật	28/11/1968	Nam	GV	ThS	T.Anh
67	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/10/1974	Nữ	GV	ThS	T.Anh

68	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/11/1973	Nữ	GV	ThS	T.Anh
69	Nguyễn Hữu Niên	12/10/1974	Nam	GVC	TS	Chính trị
70	Đỗ Thị Nguyệt	14/06/1969	Nữ	GV	ThS	Chính trị
71	Lưu Thị Hường	17/01/1984	Nữ	GVC	ThS	Chính trị
72	Nguyễn Thị Huệ	16/01/1986	Nữ	GV	ThS	Chính trị
73	Hoàng Minh Loan	22/08/1985	Nữ	GV	ThS	Chính trị
74	Nguyễn Thị Minh Châu	05/12/1992	Nữ	GV	ThS	Chính trị
75	Nguyễn Thị Thu Hà	05/09/1975	Nữ	GVC	ThS	TLGD
76	Hà Duy Tá	20/11/1966	Nam	GVC	ThS	TLGD
77	Nguyễn Thị Hạnh Ngọc	16/10/1982	Nữ	GV	ThS	TLGD
78	Nguyễn Thị Hằng	04/11/1980	Nữ	GV	ThS	TLGD
79	Đào Lan Hương	18/01/1984	Nữ	GV	TS	TLGD
80	Vương Thị Thanh Thủy	19/04/1978	Nữ	GV	ThS	TLGD
81	Phạm Thị Hải	07/03/1988	Nữ	GV	ThS	Chính trị
82	Vương Thị Thủy	19/04/1988	Nữ	GV	ThS	TLGD
83	Nguyễn Minh Tuyền	17/02/1984	Nam	GV	ThS	Chính trị
84	Nguyễn Quỳnh Anh	10/02/1994	Nữ	GV	ThS	QLGD
85	Phạm Minh Hồng	22/12/1986	Nữ	GV	ThS	T.Anh

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	8,2
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

* Ghi chú: Thời điểm đến 30/6/2022 số sinh viên của Trường là: 699



Biểu mẫu 21

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm năm học 2021-2022**

(Kèm theo công văn số: 590 ngày 22/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2021- 2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm (Áp dụng đối với sinh viên không thuộc chỉ tiêu đào tạo được ngân sách tỉnh Bắc Ninh cấp)	Triệu đồng/năm	7,8	33,5
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		

2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	9,6	38
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	15,038	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	2,74	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	5,584	